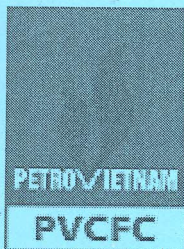


SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN ĐÀU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2001012298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 24/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/01/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số:78.../SGDHCM-QĐ
do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 3 năm 2015)

☞ Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN ĐÀU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

Địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: (84-780) 381 9000 Fax: (84-780) 359 0501

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

➤ *Trụ sở chính:*

Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 04.3934 3888 Fax: 04.3934 3999
Website: www.psi.vn Email: psi@psi.vn

➤ *Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:*

Địa chỉ: 24-26 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

➤ *Chi nhánh Vũng Tàu:*

Địa chỉ: Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, Số 8 Hoàng Diệu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 064.6254 520 Fax: 064.6254 521

➤ *Chi nhánh Đà Nẵng:*

Địa chỉ: Số 54-56 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3899 338 Fax: 0511.3899 339

☞ **Phụ trách công bố thông tin**

Họ tên: Trần Mỹ Chức vụ: Ủy viên Hội đồng Quản trị
Điện thoại: 0919178022

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
(PVCFC)**

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2001012298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 24/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/01/2015)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân Bón Dầu khí Cà Mau
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu: DCM
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết : 529.400.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết: 5.294.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở : 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội

Điện thoại: 04.3934 3888 Fax: 04.3934 3999

Email: psi@psi.vn Website: www.psi.vn

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh: 24-26, Hồ Tùng Mậu, P.Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP.HCM

Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu : P112, Tòa nhà Petro Tower, Số 8 Hoàng Diệu, Tp.Vũng Tàu

Điện thoại: 064.6254 520 Fax: 064.6254 521

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 54-56 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3899 338 Fax: 0511.3899 339

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3852 4123 Fax: 04.3852 4143

Website: www.deloitte.com.vn

MỤC LỤC



I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	5
1.	Rủi ro kinh tế	5
2.	Rủi ro luật pháp.....	6
3.	Rủi ro đặc thù	6
4.	Rủi ro về tỷ giá.....	8
5.	Rủi ro về lãi suất.....	9
6.	Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết	9
7.	Rủi ro khác.....	9
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	10
1.	Tổ chức niêm yết.....	10
2.	Tổ chức tư vấn	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM	11
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	12
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
1.1.	Giới thiệu chung về Công ty.....	12
1.2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	13
1.3.	Các thành tích của PVCFC	15
1.4.	Quá trình tăng vốn.....	16
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	16
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông	23
3.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm ngày 6/02/2015.....	23
3.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm ngày 6/02/2015.....	23
3.3.	Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 06/02/2015	23
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của PVCFC, những công ty mà PVCFC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PVCFC.....	24
5.	Hoạt động kinh doanh.....	25

5.1. Sản phẩm của Công ty.....	25
5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2012, 2013 và 2014	26
5.3. Nguyên vật liệu.....	29
5.3.1. Nguồn nguyên vật liệu:.....	30
5.4. Chi phí sản xuất	30
5.5. Trình độ công nghệ.....	33
5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	35
5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	36
5.8. Hoạt động Marketing	38
5.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	40
5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	41
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	41
6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong 03 năm gần nhất.....	41
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	45
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	46
7.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	46
7.2. Triển vọng phát triển của ngành	47
7.2.1. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón	47
7.2.2. Triển vọng phát triển thị trường phân bón nội địa.....	48
7.2.3. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón tại khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, và thị trường Campuchia	48
7.2.4. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành	50
7.2.5. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.....	51
8. Chính sách đối với người lao động	52
8.1. Số lượng người lao động trong Công ty.....	52
8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách đãi ngộ khác	52
9. Chính sách cổ tức	53
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	54
10.1. Giải trình về Báo cáo tài chính	54
10.2. Các chỉ tiêu cơ bản.....	56
10.2.1. Trích khấu hao TSCĐ.....	56
10.2.2. Mức lương bình quân.....	57
10.2.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	57

10.2.4.	Các khoản phải nộp theo luật định.....	57
10.2.5.	Trích lập các quỹ theo luật định	58
10.2.6.	Tổng dư nợ vay.....	59
10.2.7.	Tình hình công nợ hiện nay.....	63
10.3.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	65
11.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát	67
11.1.	Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:.....	67
11.2.	Thành viên Ban kiểm soát.....	81
12.	Tài sản.....	86
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	88
13.1.	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	89
13.2.	Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua:.....	90
13.3.	Kế hoạch tăng vốn điều lệ	93
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	93
15.	Kế hoạch sản xuất của PVCFC sau cổ phần hóa	93
16.	Các kế hoạch triển khai thực hiện.....	95
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của PVCFC.....	99
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	99
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	100
1.	Loại chứng khoán.....	100
2.	Mệnh giá.....	100
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết.....	100
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	100
5.	Phương pháp tính giá.....	101
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	104
7.	Các loại thuế có liên quan.....	104
7.1.	Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán	104
7.2.	Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	105
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	108
1.	Tổ chức tư vấn niêm yết.....	108
2.	Tổ chức kiểm toán	108



VII. PHỤ LỤC..... 109

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro kinh tế

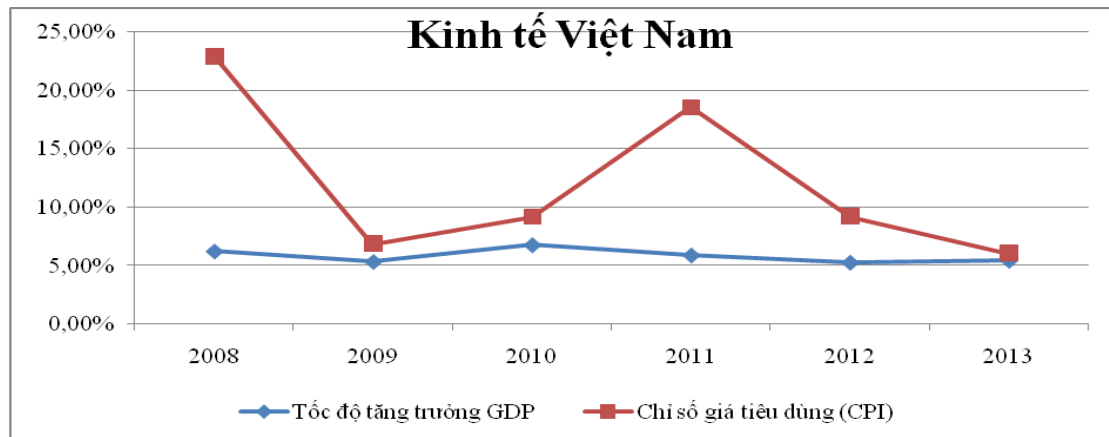
Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế.

Theo Cục Thống kê, GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012, và có thể nói tăng trưởng GDP của nền kinh tế có xu hướng tăng lên. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012, và thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,21% của năm 2012. Có thể nói năm 2013 là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. (Nguồn: Cục Thống kê).

Trong bối cảnh kinh tế thế giới thời gian vừa qua có nhiều bất ổn, tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, lạm phát tăng cao, sản xuất đình trệ. Tuy nhiên, trong năm 2013, nhìn chung, nền kinh tế đã có những bước phục hồi. Cụ thể, kinh tế vĩ mô cơ bản đã ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, tăng trưởng tín dụng những tháng cuối năm có những cải thiện rõ rệt, thu hút đầu tư nước ngoài đã có những biến chuyển tích cực hơn, Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức cho nền kinh tế, song đã thể hiện sự đúng đắn, kịp thời, và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành. (Nguồn: Cục Thống kê).

Tình hình vĩ mô trong năm 2014 cũng đã có những chuyển biến tích cực. Cụ thể là lạm phát đã ổn định và duy trì ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 năm 2014 tăng 1,84% so với cùng kỳ, CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013. Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tăng trưởng mạnh khoảng 7,6%. Từ năm 2012, Việt Nam bắt đầu chuyển sang vị thế xuất siêu trong quan hệ thương mại với các nước trên thế giới, năm 2014 ước xuất siêu 1,984 tỷ USD, cán cân thương mại năm 2014 tiếp tục thặng dư gần 2 tỷ USD và là mức thặng dư cao nhất trong những năm qua. Tỷ giá nằm trong tầm kiểm soát, tăng nhẹ và lãi suất được tiếp tục điều chỉnh giảm với mức trần là 5,5%, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Những chuyển biến của nền kinh tế cũng đã tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

2. Rủi ro luật pháp

Hệ thống luật pháp Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, do vậy có thể sẽ có những thay đổi một số quy định của pháp luật.

Là Công ty Cổ phần, hoạt động kinh doanh của PVCFC chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, ... và các chính sách của Nhà nước có liên quan. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty cũng như hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư khi nắm giữ cổ phiếu PVCFC.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn thường xuyên cập nhật hệ thống pháp luật, nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật cũng như thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Do hoạt động trong ngành SXKD phân bón nên PVCFC chịu sự ảnh hưởng lớn từ thị trường phân bón thế giới và trong nước. Theo Hiệp hội phân bón Thế giới, nguồn cung phân bón thế giới năm 2014 đạt 188 triệu tấn, nhu cầu tiêu thụ xấp xỉ 178 triệu tấn, cân đối cung cầu là dư hơn 10 triệu tấn. Tại thị trường nội địa, trong khi nhu cầu phân bón ổn định ở mức 10-11 triệu tấn/năm thì nguồn cung phân bón đã tăng lên nhanh chóng do việc ra đời những nhà máy sản xuất phân bón mới. Ngày 31/12/2014, dự án mở rộng nhà máy Đạm Hà Bắc đã hoàn thành, nâng công suất từ 180 nghìn tấn/năm lên 500 nghìn tấn/năm. Như vậy, cả nước sẽ sản xuất 2,66 triệu tấn phân Urê/năm, tuy nhiên vẫn phải nhập khẩu hoàn toàn phân Kali và SA.

Thêm vào đó, giá phân bón trong nước sẽ có xu hướng giảm theo giá phân bón thế giới.

Nguyên nhân chính là do sự gia tăng mạnh nguồn cung phân bón trên thế giới cũng như đẩy mạnh sản xuất phân bón trong nước. Để giảm thiểu rủi ro đối với nguồn cung vượt cầu, Công ty đã kiện toàn, phát triển mạng lưới phân phối trong nước nhằm mở rộng hệ thống tại các thị trường mục tiêu ở thị trường Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ; tiếp tục xâm nhập, phát triển tại các thị trường tiềm năng ở khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên. Đặc biệt, căn cứ vào nhu cầu, mùa vụ trong nước, những khi thấp điểm, PVCFC chủ động triển khai xuất khẩu sang các thị trường khu vực Châu Á, nhất là các nước Campuchia, Thái Lan, Hàn Quốc, Phillippines, Bangladesh là những thị trường nhập khẩu urê lớn, ưa chuộng sản phẩm phân đạm hạt đục và Đạm Cà Mau đã được người tiêu dùng biết đến. Cụ thể là thị phần Đạm Cà Mau tại Campuchia năm 2012 chiếm 10%, đã tăng lên 30% trong năm 2013 và 35% trong năm 2014.

Giá nguyên liệu đầu vào tăng và áp lực cạnh tranh với phân bón nhập khẩu, mà đặc biệt là urê giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc là những thách thức rất lớn cho các doanh nghiệp trong ngành. Ngoài ra, các doanh nghiệp kinh doanh phân bón còn phải đối mặt với tình trạng phân bón giả, kém chất lượng với giá thành rẻ hơn, và những quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón khắt khe hơn thông qua Nghị định 202/2013/NĐ-CP.

Như vậy, các doanh nghiệp phân bón một mặt sẽ phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong thị trường nội địa, mặt khác phải cạnh tranh với các thị trường xuất khẩu phân bón với giá thành rẻ hơn trên thế giới. Để khắc phục những khó khăn trên, PVCFC chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp như: đổi mới, nâng cao công tác quản trị điều hành; phát huy các sáng kiến, giải pháp hữu ích góp phần quản trị, tiết giảm chi phí bán hàng nâng cao khả năng cạnh tranh; Tiếp tục xây dựng, phát triển đội ngũ nghiên cứu thị trường; nâng cao hơn nữa chất lượng trong công tác nghiên cứu, dự báo thị trường; Tăng cường đầu tư cho công tác tiếp thị truyền thông; xây dựng và quảng bá mạnh mẽ thương hiệu Đạm Cà Mau tại các thị trường mục tiêu ở khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Campuchia; Thường xuyên rà soát, đánh giá hệ thống phân phối nhằm bổ sung, sàng lọc khách hàng phù hợp với định hướng phát triển chiến lược kinh doanh; Phối hợp với Hiệp hội phân bón kiến nghị tới các cơ quan chức năng về quản lý thị trường tăng cường công tác quản lý, giám sát thị trường phân bón, xử lý nghiêm những hành vi làm phân bón giả, hàng nhái, kém chất lượng gây ảnh hưởng đến uy tín của các đơn vị sản xuất trong ngành.

Nguồn nguyên liệu khí của PVCFC lấy từ nguồn duy nhất tại mỏ PM3 thông qua đường

ống dẫn khí PM3 - Cà Mau. PVN có cơ chế bảo đảm nguồn cung ứng khí lâu dài thông qua hợp đồng mua bán khí phù hợp với thời gian hoạt động của Nhà máy Đạm Cà Mau. Ngoài ra, dự kiến các nguồn khí được thu gom từ các mỏ của Việt Nam, dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn được triển khai sẽ tạo nguồn cung cấp khí đầu vào bổ sung cho Nhà máy Đạm Cà Mau hoạt động ổn định, lâu dài.

Chính phủ đã phê duyệt chính sách điều tiết Giá khí bán cho Đạm Cà Mau giai đoạn từ năm 2015 đến hết năm 2018. Kể từ năm 2019 trở đi, áp dụng giá khí thị trường, PVCFC cho rằng có đủ điều kiện để đảm bảo hiệu quả SXKD ổn định căn cứ vào các yếu tố sau đây:

- Chi phí khấu hao và lãi vay của PVCFC sẽ giảm đi nhiều sau giai đoạn trên.
- Giá ure thế giới sẽ phục hồi và tăng trở lại từ năm 2018.
- Một số dự án đầu tư sẽ sinh lãi nhiều hơn trong giai đoạn này, qua đó giúp bù đắp doanh thu, lợi nhuận cho công ty.
- Hình ảnh thương hiệu của công ty sẽ được cải thiện theo thời gian, qua đó, giúp PVCFC nâng cao giá trị tài sản vô hình.
- Khả năng tài chính, dòng tiền của PVCFC sẽ được cải thiện đáng kể sau 2018, qua đó giúp công ty gia tăng các khoản thu nhập tài chính, góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận chung.

Khi PVCFC hoạt động với hình thức công ty cổ phần, vai trò của Đại hội đồng cổ đông với sự tham gia của các chủ sở hữu chính là các nhà đầu tư góp phần nâng cao năng lực quản trị đem lại hiệu quả SXKD cho công ty.

Do PVCFC là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nên sẽ được hưởng những ưu đãi nhất định về nguồn cung cấp khí và giá khí đầu vào.

4. Rủi ro về tỷ giá

Rủi ro tỷ giá hối đoái chủ yếu liên quan đến các khoản vay đầu tư và giá khí đầu vào được thanh toán bằng ngoại tệ (USD) có thể gây ảnh hưởng đến dòng tiền của đơn vị. Để giảm thiểu tác động của rủi ro này, PVCFC sử dụng một phần doanh thu có gốc ngoại tệ, dự tính tác động, quản lý dòng tiền hiệu quả và sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính. Hiện tại, căn cứ vào lịch trả nợ và cân đối dòng tiền, PVCFC đang làm việc với các ngân hàng ký kết các Hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, Hợp đồng hoán đổi để đề phòng rủi ro tỷ giá trong thời gian tới.

Một điểm đáng lưu ý nữa là chênh lệch tỷ giá được tính vào chi phí tài chính của doanh

nghiệp, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Trong giai đoạn 2015-2018, PVCFC luôn hoạt động đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân là 12%/năm.

5. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nợ và lãi vay thả nổi của các khoản vay đầu tư. Hiện tại các khoản vay này có lãi suất thả nổi từ 3-4%/năm được điều chỉnh theo kỳ trả nợ 3 tháng và 6 tháng. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình có liên quan thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh kế hoạch dòng tiền phù hợp.

6. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho Công ty như khẳng định uy tín, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, tạo cơ hội cho Công ty huy động vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị và điều hành của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức niêm yết chỉ là một yếu tố tác động. Giá chứng khoán biến động có thể do: cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, v.v... Sự biến động giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị, tâm lý của các khách hàng của Công ty.

7. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Đức Thành Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Bùi Minh Tiến Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Lê Ngọc Minh Trí Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Phan Thị Cẩm Hương Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: **Ông Mai Trung Dũng** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

(Theo Giấy ủy quyền số 24/UQ-CKDK ngày 23/12/2014)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán số 21/2015/PVCFC-CKDK ngày 30/1/2015 với Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- PVCFC	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Phân Bón Dầu khí Cà Mau
- PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
- HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- BHXH	Bảo hiểm xã hội
- BHYT	Bảo hiểm y tế
- BHLĐ	Bảo hiểm lao động
- SXKD	Sản xuất kinh doanh
- TSCĐ	Tài sản cố định
- CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- BGĐ	Ban Tổng Giám đốc
- P/E	Hệ số giá trên thu nhập một cổ phiếu
- P/B	Hệ số giá trên giá trị sổ sách
- TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
- DTT	Doanh thu thuần
- LNTT	Lợi nhuận trước thuế
- LNST	Lợi nhuận sau thuế
- TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**
- Tên tiếng anh **PETROVIETNAM CAMAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **PVCFC**
- Biểu tượng của Công ty:

-
- Vốn điều lệ 5.294.000.000.000 đồng (Năm nghìn hai trăm chín mươi bốn tỷ đồng chẵn)
- Trụ sở chính Lô D, Khu Công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại (84.780) 381 9000 Fax (84.780) 359 0501
- Website www.pvcfc.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 2001012298 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 24/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/01/2015.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ;
 - ✓ Bán buôn, bán lẻ phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp;
 - ✓ Tư vấn hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất;
 - ✓ Kho bãi và lưu giữ và bốc xếp hàng hóa;
 - ✓ Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
 - ✓ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
 - ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị;

- ✓ Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Tài khoản Số 78078024826800068 tại Ngân hàng TMCP Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau tiền thân là Ban QLDA Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau, trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam sở hữu 100% vốn được thành lập theo Quyết định số 474/QĐ-HĐTV ngày 09/03/2011 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sau khi được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Dự án Nhà máy Đạm Cà Mau, là dự án trọng điểm quốc gia về dầu khí được Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, thuộc cụm dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau, đặt tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đưa sản phẩm Đạm Cà Mau ra thị trường. Nhà máy Đạm Cà Mau với công suất 800.000 tấn/năm, cùng với các nhà máy phân đạm khác trong cả nước đã góp phần thay đổi, chuyển dịch cơ cấu phân đạm trong nước, từ nước chủ yếu nhập khẩu phân bón, tiến tới giảm dần nhập khẩu và từng bước chuyển sang nước xuất khẩu phân bón, góp phần quan trọng vào việc thực hiện chủ trương chính sách an ninh lương thực của Đảng và Nhà nước.

Cùng với Đạm Phú Mỹ, Nhà máy đạm Cà Mau đã nâng sản lượng đạm do PVN sản xuất đạt 1,6 triệu tấn/năm, đáp ứng khoảng 80% nhu cầu phân đạm trong nước, góp phần quan trọng trong việc bảo đảm cân đối cung - cầu, bình ổn giá phân bón và an ninh lương thực quốc gia, đồng thời tham gia thị trường xuất khẩu. Trong giai đoạn đầu, nhà máy Đạm Cà Mau tập trung đáp ứng nhu cầu phân đạm của thị trường tiêu thụ nội địa, đặc biệt tại địa bàn các tỉnh ĐBSCL - vùng trọng điểm sản xuất lúa gạo và tiêu thụ phân bón lớn nhất trong cả nước.

Với lợi thế là sản phẩm urê hạt đục - lần đầu tiên sản xuất tại Việt Nam, có nhiều ưu điểm vượt trội như hạt to tròn đều, ít bụi, phân giải chậm, giúp cây xanh bền, tiết kiệm phân và dễ phối trộn với các loại phân bón khác để bón kết hợp, cùng với lợi thế được kế thừa thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, chính sách kinh doanh hợp lý, thương hiệu Đạm Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng đang ngày càng được nhiều người biết đến và được bà con nông dân tin dùng.

Kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, PVCFC đều hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận, tích cực đầu tư và tham gia các hoạt động an sinh xã hội, các chương trình vì cộng đồng.

Ngày 11/3/2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.



Ngày 11/12/2014, phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau diễn ra tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đã thành công tốt đẹp. Toàn bộ số cổ phần mang ra đấu giá là 128.951.300 cổ phần (chiếm tỷ lệ 24,36% vốn điều lệ) đã được bán hết.

Theo Quyết định số 2341/QĐ-DKVN ngày 24/10/2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) thành Công ty Cổ phần thì 529.400.000 cổ phần phát hành lần đầu sẽ được phân phối như sau:

Đối tượng	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	269.994.000	51,00%
Người lao động được mua ưu đãi	1.503.400	0,28%
Nhà đầu tư chiến lược	128.951.300	24,36%
Đấu giá công khai cho nhà đầu tư thông thường	128.951.300	24,36%

Tổng cộng	529.400.000	100,00%
------------------	--------------------	----------------

Đến thời điểm 15/01/2015, PVCFC đã hoàn tất chào bán cổ phần lần đầu cho các đối tượng Nhà nước, người lao động và đấu giá công khai theo phương án đã được duyệt, riêng phương án chào bán cho nhà đầu tư chiến lược thì vẫn chưa hoàn tất. Cụ thể như sau:

Đối tượng	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Đấu giá	128.928.243	24,35%
Tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá	128.951.300	
Tổng khối lượng cổ phần thực tế bán được	128.928.243	
Người lao động được mua ưu đãi	448.700	0,09%
Nhà nước	400.023.057	75,56%

Ngày 09/01/2015, PVCFC đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập, và vào ngày 15/01/2015, Công ty chính thức trở thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2001012298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

1.3. Các thành tích của PVCFC

Tháng 7/2013: PVCFC cử 4 chuyên gia của nhà máy Đạm Cà Mau sang hỗ trợ vận hành công nghệ tạo hạt tại Venezuela với nhà bản quyền ToYo đến từ Nhật Bản và trở thành một trong những đơn vị thành viên trực thuộc PVN đi tiên phong về xuất khẩu chuyên gia ra nước ngoài.

Ngày 02/09/2013, tại lễ trao giải Sao Vàng Đất Việt năm 2013, Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam đã trao giải Sao vàng Đất Việt cho PVCFC. Nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt là một vinh dự đối với các doanh nghiệp vì sự phát triển, tiến bộ vượt bậc và sự cống hiến cho sự phát triển kinh tế đất nước.

Ngày 12/9/2013, PVCFC đón nhận chứng chỉ quản lý tích hợp theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2008; 14001:2004 và chứng nhận OHSAS 18001:2007 cho Hệ thống An toàn và sức khỏe nghề nghiệp do tổ chức đánh giá chứng nhận Quốc tế DNV cấp.

Ngày 3/4/2014, PVCFC đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững với CTCP bảo vệ thực vật An Giang nhằm đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực

nông nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa thế mạnh của 2 đơn vị, củng cố hệ thống phân phối, gia tăng giá trị sản phẩm, phục vụ tốt hơn nữa bà con nông dân phù hợp với chủ trương liên kết theo mô hình “bốn nhà” của Chính Phủ.

Liên tiếp 02 năm liền (2013 – 2014), PVCFC được vinh dự trao nhận giải thưởng “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm ASXH và phát triển cộng đồng” do Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trao tặng cho 50 đơn vị xuất sắc nhất trong số 1.000 đơn vị tiêu biểu được lựa chọn.

Ngày 26/04/2014, PVCFC được vinh dự trao nhận bằng khen từ UBND tỉnh Cà Mau về những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập thành phố Cà Mau.

Ngày 17/5/2014, PVCFC đã vinh dự đoạt doanh hiệu “Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2013” do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức.

Tháng 4/11/2014: Nhà máy đạt mốc 2 triệu tấn, đánh dấu sự trưởng thành của Nhà máy Đạm Cà Mau vào ngành sản xuất phân bón nước nhà, góp phần bình ổn thị trường phân bón và sự phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Ngày 23/12/2014, PVCFC vinh dự khi là doanh nghiệp trẻ đoạt danh hiệu “Thương hiệu Quốc gia” giải thưởng cao quý của Bộ Công Thương trao cho 63 thương hiệu uy tín trong cả nước trong số hơn 1.000 thương hiệu đăng ký tham gia.

1.4. Quá trình tăng vốn

Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm cổ phần hóa theo giấy phép kinh doanh số 2001012298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 24/03/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/01/2015 là 5.294.000.000.000 đ (Năm nghìn hai trăm chín mươi bốn tỷ đồng).

Công ty thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 2341/QĐ-PVN ngày 24/10/2014 của Hội đồng thành viên PVN với mức vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 5.294 tỷ đồng. Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ cho đến thời điểm niêm yết.

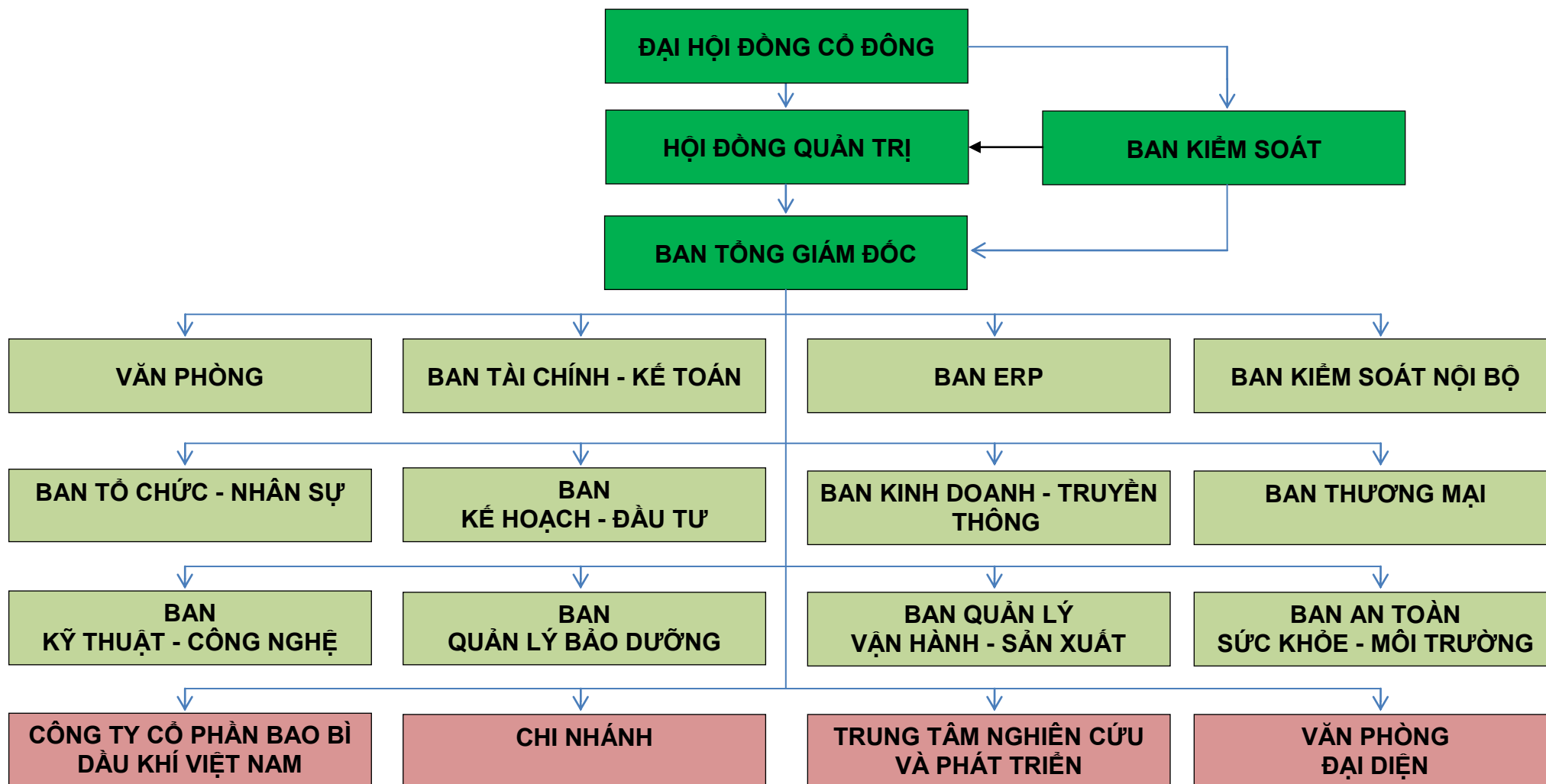
2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Căn cứ theo (1) Luật Doanh Nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và (2) Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ngày 09/01/2015,



PVCFC có cơ cấu tổ chức như sau:

Cơ cấu tổ chức của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Cơ cấu tổ chức và quy mô các đơn vị nêu trên sẽ được điều chỉnh theo yêu cầu và thực tế công việc.

- ✚ **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.
- ✚ **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.
- ✚ **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát toàn bộ hoạt động tài chính của Công ty, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.
- ✚ **Ban Tổng Giám đốc:** Gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc chuyên môn. Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm 4 thành viên: 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.
- ✚ **Văn phòng**

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác sau: Công tác quản trị; hành chính tổng hợp; văn thư lưu trữ; lễ tân, khánh tiết đối nội, đối ngoại; tổ chức các sự kiện; thư ký và tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao phục vụ các hoạt động, sự kiện của Tập đoàn và Công ty.
- ✚ **Ban tài chính kế toán (TCKT)**

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác sau: Bảo toàn, khai thác có hiệu quả và phát triển vốn, tài sản của Công ty; Quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các nghiệp vụ tài

chính, kế toán, thống kê, kế toán quản trị trong toàn Công ty tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty; Lập báo cáo tài chính và báo cáo quản trị theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Tập đoàn.

Ban ERP

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác sau: Xây dựng và duy trì hiệu quả hệ thống ERP; Xây dựng và quản lý có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin; Quản lý về mặt kỹ thuật hệ thống các phần mềm ứng dụng của Công ty.

Ban Kiểm soát nội bộ

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác sau: Kiểm soát hoạt động của Công ty nhằm giúp Ban Tổng Giám đốc kịp thời khắc phục, ngăn ngừa, hạn chế và phát hiện các sai sót, vi phạm, rủi ro, kém hiệu quả trong hoạt động SXKD; Phụ trách công tác pháp chế; Hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ Ban Kiểm soát theo quy định của Luật DN và điều lệ Công ty.

Ban Tổ chức – Nhân sự

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác sau: Chiến lược nguồn lực; kiện toàn hệ thống tổ chức hoạt động SXKD và cơ chế điều hành tổ chức của Công ty; Tuyển dụng nhân sự; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Quản lý nhân sự, công tác cán bộ; Tiền lương và chính sách; Quản lý công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật; An ninh quốc phòng và bảo vệ chính trị nội bộ; Công tác Đảng vụ.

Ban Kế hoạch – Đầu tư

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác Quản lý và xây dựng chiến lược phát triển của Công ty; Quản lý công tác kế hoạch và thống kê của Công ty; Quản lý công tác đầu tư XD các dự án, công trình do công ty/ các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư; Quản lý công tác đấu thầu các DA do Công ty làm chủ đầu tư, thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp phục vụ HDSXKD; Tìm kiếm đánh giá cơ hội đầu tư và phương án đầu tư cho Công ty.

Ban Kinh doanh – Truyền thông

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành

hoạch định xây dựng các chiến lược trung và dài hạn; kế hoạch hàng năm liên quan đến công tác kinh doanh, XNK, tự doanh; phát triển thương hiệu; tiếp thị truyền thông, logistic, nghiên cứu và dự báo thị trường; Xây dựng, vận hành, quản lý, phát triển hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước phù hợp với mục tiêu trong chiến lược, kế hoạch đề ra; Xây dựng, triển khai kế hoạch chương trình hành động ASXH vì sự phát triển cộng đồng.

Ban Thương mại

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác Mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ; Quản lý các hoạt động mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ trong toàn Công ty.

Ban Kỹ thuật – Công nghệ

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác Quản lý công nghệ các xưởng vận hành; Quản lý chất lượng, vật tư, hóa chất nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra; Nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm mới đầu tư hệ thống dây chuyền công nghệ cho mở rộng sản xuất và phát triển sản phẩm mới; Quản lý sáng kiến cải tiến kỹ thuật; Quản lý và phát triển dịch vụ kỹ thuật.

Ban Quản lý bảo dưỡng

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác Tổ chức, quản lý công tác BDSC các thiết bị Nhà máy; Quản lý khai thác phần mềm phục vụ công tác DBSC; Quản lý khai thác hiệu quả các trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, dịch vụ kỹ thuật phục vụ công tác BDSC hàng năm, hàng kỳ với chi phí hợp lý; Vận hành HT điện điều khiển Nhà máy; Quản lý, nhập kho vật tư, thiết bị, cấp phát vật tư, thiết bị lưu kho.

Ban Quản lý vận hành – sản xuất

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý VHSX an toàn, ổn định và hiệu quả toàn bộ dây chuyền sản xuất, đáp ứng các yêu cầu SX về sản lượng, chất lượng sản phẩm và cung cấp kịp thời sản phẩm ra thị trường thông qua các hoạt động Tổ chức quản lý và kiểm soát quá trình vận hành hệ thống thiết bị công nghệ trong nhà máy đảm bảo nhà máy hoạt động an toàn, ổn định, hiệu quả theo KH SX; Quản lý kho sản phẩm và kiểm soát việc giao nhận các loại sản phẩm do Công ty sản


xuất tại nhà máy đảm bảo xuất hàng nhanh nhất; phối hợp kiểm tra, giám sát lượng hóa chất nhập vào nhà máy; Phối hợp thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, liên tục; Kiểm soát và đảm bảo ATLĐ, PCCC trong phạm vi hoạt động và cơ sở hạ tầng của các đơn vị trong Ban; Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao và nguồn nhân lực dự phòng phục vụ SX và cung cấp nhân lực tham gia các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, chạy thử, vận hành của Công ty.

Ban An toàn sức khỏe - Môi trường

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành, triển khai các công tác sau: Quản lý an ninh trật tự, kiểm soát an toàn vệ sinh lao động; PCCC; quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp; kiểm soát môi trường và quản lý chất thải; xây dựng duy trì và cải tiến chất lượng, AT - SK – MT (QHSE) của Công ty.

Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Là công ty con của Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau có chức năng, là đơn vị điều hành và quản lý nhà máy sản xuất Bao bì tại Bạc Liêu, sản xuất và kinh doanh các loại bao bì: PP, PP trắng PP/PE, PP lồng túi PE/HDPE, PP ghép màng OPP/ghép giấy, túi PE, túi HDPE; Sản xuất và kinh doanh chỉ may PP, PE, cotton; Bán buôn chất dẻo nguyên sinh, PP/PE/HDPE; Bán buôn phân bón; In ấn và quảng cáo.

 **Chi nhánh:** Công ty dự kiến sẽ mở chi nhánh và văn phòng đại diện tại các nơi có hoạt động của Công ty vào thời điểm thích hợp.

Trung tâm nghiên cứu và phát triển:

Nghiên cứu và phối hợp nghiên cứu với các cơ quan, Viện, Trường trong nước và quốc tế trong lĩnh vực phân bón và các chế phẩm sinh hóa sử dụng trong nông nghiệp, phát triển công nghệ, máy móc thiết bị sản xuất; Xây dựng và thực hiện chương trình, đề tài, dự án, kế hoạch nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phát triển sản phẩm mới cho Công ty. Thực hiện dịch vụ Phân tích, kiểm nghiệm theo yêu cầu của khách hàng trên các lĩnh vực phân bón, khoáng chất, khí nguyên liệu, hóa chất nguyên liệu đầu vào, nước thải, xác minh, đánh giá cơ sở sản xuất phân bón...; Đào tạo nguồn nhân lực trong kỹ thuật sử dụng phân bón kể cả nông dân. Dự kiến Trung tâm nghiên cứu và phát triển được xây dựng và hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2016.

Văn phòng đại diện:

Là bộ phận trực thuộc văn phòng Công ty, thực hiện các công việc hành chính, hậu cần,

đổi ngoại của Công ty tại các địa bàn thành phố nơi có văn phòng đại diện của Công ty (Hà Nội, TP HCM, các tỉnh phía Bắc và ĐNB); Phối hợp, hỗ trợ bộ phận KDTT thu thập thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo dõi thực hiện công tác truyền thông và an sinh xã hội tại các khu vực; Phối hợp, hỗ trợ giải quyết công việc, bố trí nơi ở, phương tiện đi lại cho Lãnh đạo/CBCNV các bộ phận đi công tác.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

Vốn cổ phần tính đến thời điểm 6/2/2015 là **5.294.000.000.000 đồng** được chia thành **529.400.000 cổ phần** với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm ngày 6/02/2015

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 6/02/2015, như sau:

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PVN	0106000811	18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	400.023.057	75,562%
	Tổng cộng			400.023.057	75,562%

Nguồn: Sổ cổ đông của PVCFC ngày 6/02/2015

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm ngày 6/02/2015

Theo quy định của Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp thì “Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập”. Do Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau nên PVCFC không có cổ đông sáng lập.

3.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 06/02/2015

ST T	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	3.198	522.391.013	5.223.910.130.000	98,6761%
1	Cổ đông tổ chức	23	424.829.764	4.248.297.640.000	80,2474%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	1	400.023.057	4.000.230.570.000	75,5616%
2	Cổ đông cá nhân	3.175	97.561.249	975.612.490.000	18,4286%
II	Cổ đông nước ngoài	5	7.008.987	70.089.870.000	1,3240%
1	Cổ đông tổ chức	2	7.000.000	70.000.000.000	1,3223%
2	Cổ đông cá nhân	3	8.987	89.870.000	0,0017%
	Tổng cộng	3.203	529.400.000	5.294.000.000.000	100%

Nguồn: Sổ cổ đông của PVCFC ngày 06/02/2015

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của PVCFC, những công ty mà PVCFC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PVCFC

- Công ty mẹ của Công ty:
- **Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)**

Trụ sở chính: 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: Nghiên cứu, tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí, khí hóa than, làm dịch vụ về dầu khí ở trong và ngoài nước; Kinh doanh, phân phối các sản phẩm dầu, khí, các nguyên liệu hóa phẩm dầu khí; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và chế biến các sản phẩm lọc hóa dầu; Kinh doanh, dịch vụ khai thác dầu thô, khí, các sản phẩm dầu, khí và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu khí ở trong và ngoài nước; Khảo sát, thiết kế, xây dựng, khai thác, sửa chữa các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí; Thực hiện các dịch vụ dầu khí khác trong và ngoài nước; Đầu tư, sản xuất, kinh doanh điện và phân bón; Đầu tư, sản xuất, chế biến, kinh doanh nhiên liệu sinh học; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị dầu khí, sản phẩm dầu khí, hóa dầu; Tư vấn đầu tư xây dựng, thiết kế các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí; Đầu tư sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo; Đào tạo, cung ứng nhân lực dầu khí, xuất khẩu lao động; Triển khai, phát triển các dự án năng lượng sạch, “cơ chế phát triển sạch”.

Điện thoại: (04) 3825 2526

Fax: (04) 3826 5942

Website: www.pvn.vn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 118.000.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu vốn (Vốn Nhà nước) của PVN tại PVCFC: 4.000.230.570.000 đồng, tương đương với 75,562% vốn điều lệ của PVCFC.

- Công ty con của Công ty:
- **Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC)**

Trụ sở chính: Lô A1-3 Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Vốn điều lệ của công ty: 32.650.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì: PP, PP trắng PP/PE, PP lồng túi PE/HDPE, PP ghép màng OPP/ghép giấy, túi PE, túi HDPE; Sản xuất và kinh doanh chỉ may PP, PE, cotton; Bán buôn chất dẻo nguyên sinh, PP/PE/HDPE; Bán buôn phân bón; In ấn và quảng cáo.

Điện thoại: (0781) 3957 555

Fax: (0781) 3957 666

Website: www.baclieupackaging.com.vn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.650.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn của PVCFC tại PPC: 51% tương đương với 16.651.500.000 đồng

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm của Công ty

Sản phẩm Urê

PVCFC là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân đạm Urê hạt đục duy nhất trong cả nước với sản phẩm mang tên Đạm Cà Mau.



phẩm Đạm Cà Mau đã phủ kín khu vực ĐBSCL và trở thành sự lựa chọn tin cậy của đông đảo bà con nông dân.

Các thông số cơ bản về sản phẩm như hàm lượng đạm, tỷ lệ tạp chất, độ ẩm đều tốt hơn so với tiêu chuẩn Việt Nam.

Chỉ tiêu	Thông số	Tác dụng
Hàm lượng Nitơ	$\geq 46,3$ % khối lượng	
Hàm lượng Biuret	$\leq 0,99$ % khối lượng	Giảm bạc màu, chai đất
Hàm lượng nước	$\leq 0,5$ % khối lượng	Hạt đạm lâu kết tảng, tăng thời gian hòa tan trong nước

Hiện nay, sản phẩm Đạm Cà Mau được đóng gói dưới 2 hình thức là loại 50kg/bao (bao thông thường) được sử dụng tiêu thụ trong nước là chủ yếu và loại 1.000 kg/bao (bao Jumbo) được sử dụng cung cấp cho thị trường xuất khẩu và một số nhà máy NPK. Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp cả hàng xá (hàng rời) phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng, nhất là khách hàng quốc tế.

Sản phẩm Bao bì

Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) là công ty con của PVCFC chuyên sản xuất sản phẩm bao bì PP dệt có in hoặc không in màu; Bao bì PP tráng màng PE/PP có in hoặc không in màu; Túi HDPE/ LLDPE cho nhóm khách hàng công nghiệp các Công ty xuất khẩu gạo, phân bón, thức ăn chăn nuôi.

Hiện nay, PPC đang vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất bao bì theo công nghệ sản xuất của Đài Loan, thuộc nhóm tiêu chuẩn Châu Âu hoàn toàn tự động với công suất thiết kế 20 triệu bao/năm.

5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2012, 2013 và 2014

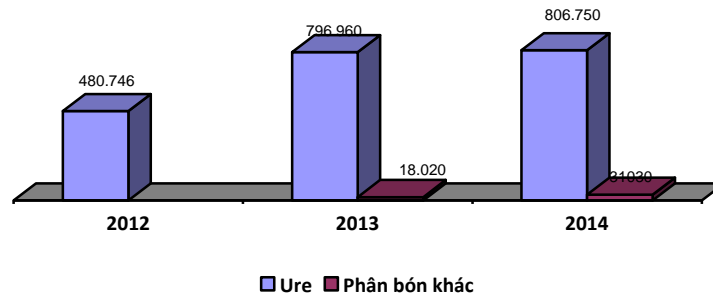
Sản lượng sản xuất các năm 2012, 2013 và 2014 đều đạt kế hoạch hàng năm. Để đạt được kết quả này là nhờ vào việc Công ty đã hoàn toàn làm chủ trong vận hành sản xuất, luôn duy trì vận hành ổn định và an toàn ở mức trên 98-100% công suất thiết kế. Sản lượng theo sản phẩm của PVCFC trong giai đoạn 2012-2014 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	% +/-	2014	% +/-
Sản phẩm Urê Đạm Cà	Tấn	480.746	796.960	65,78%	806.750	1,23%

Mau						
-----	--	--	--	--	--	--

Nguồn: PVCFC (công ty mẹ)

Biểu đồ sản lượng của PVCFC giai đoạn 2012 - 2013 và năm 2014



Sản lượng năm 2013 tăng đột biến so với năm 2012, cụ thể tăng trên 65% so với năm 2012, với 316.214 tấn. Nguyên nhân là do trong năm 2012, nhà máy đang trong quá trình chạy thử nên không tạo ra được nhiều sản phẩm đầu ra, cho đến năm 2013, nhà máy đã bắt đầu chính thức đi vào hoạt động và tạo ra được nhiều sản phẩm Urê.

Đến năm 2014, khi Nhà máy Đạm Cà Mau đã đi vào hoạt động ổn định thì sản lượng Urê sản xuất ra đạt 806.750 tấn, tăng 1,23% so với năm 2013.

Chi tiết doanh thu thuần Công ty mẹ qua các năm 2012, 2013 và năm 2014 được thể hiện:

Đơn vị tính : Triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2012		NĂM 2013		NĂM 2014		
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
DOANH THU THUẦN							
I.	Sản phẩm	4.076.182	100%	6.257.132	99,96%	6.018.005	99,68%
1	Urê Đạm Cà Mau	3.949.139	96,88%	5.943.202	94,94%	5.613.697	92,98%
2	Ammonia	57.285	1,41%	118.614	1,90%	109.517	1,81%
3	Phân bón khác	69.758	1,71%	195.316	3,12%	294.792	4,88%
II.	Dịch vụ	-	-	2.072	0,03%	12.462	0,21%
III.	Khác	-	-	430	0,01%	7.101	0,12%
	TỔNG CỘNG	4.076.182	100%	6.259.634	100%	6.037.568	100%

Nguồn: PVCFC (công ty mẹ)

Chi tiết doanh thu thuần Công ty hợp nhất qua các năm 2012, 2013 và năm 2014 được thể hiện:

Đơn vị tính : Triệu đồng

KHOẢN MỤC		NĂM 2012		NĂM 2013		NĂM 2014	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
DOANH THU THUẦN							
I.	Sản phẩm	4.076.182	100%	6.256.950	99,90%	6.018.005	99,57%
1	Urê Đạm Cà Mau	3.949.139	96,88%	5.943.020	94,89%	5.613.697	92,88%
2	Ammonia	57.285	1,41%	118.614	1,89%	109.517	1,81%
3	Phân bón khác	69.758	1,71%	195.316	3,12%	294.792	4,88%
II.	Dịch vụ	-	-	2.072	0,03%	12.462	0,21%
III	Khác	-	-	4.096	0,07%	13.676	0,23%
	TỔNG CỘNG	4.076.182	100%	6.263.118	100%	6.044.143	100%

Nguồn: PVCFC (công ty hợp nhất)

Sản lượng phân Urê Đạm Cà Mau năm 2013 đã tăng 316.214 tấn so với năm 2012 làm cho doanh thu thuần năm 2013 của công ty mẹ đã tăng 2.183.452 triệu đồng so với năm 2012, tương ứng tăng 53,57% so với năm 2012. Có sự tăng trưởng vượt trội trong năm 2013 cả về sản lượng và doanh thu là do năm 2012 Công ty chỉ trong quá trình chạy thử nhà máy nên chưa có nhiều doanh thu tiêu thụ sản phẩm, đến năm 2013, Công ty mới bắt đầu đi vào hoạt động và tạo ra nhiều doanh thu. Năm 2014, thị trường phân bón nguồn cung vẫn duy trì cao hơn nhu cầu sử dụng. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm như giá bán giảm, áp lực từ nguồn nhập khẩu phân bón giá rẻ và tình trạng phân bón giả, kém chất lượng nhưng Công ty đã áp dụng chính sách bán hàng hợp lý, đẩy mạnh chính sách giá cả cạnh tranh, phát triển thương hiệu nhằm chiếm thị phần ở thị trường mục tiêu. Sản lượng tiêu thụ của đơn vị năm 2014 đạt 806.750 tấn, tăng 1,23% so với năm 2013 nhưng do giá bán bình quân giảm nên doanh thu kinh doanh urê năm 2014 giảm 329.505 triệu đồng so với năm 2013, tương đương giảm 5,54%.

Trong cơ cấu doanh thu, thì hầu như doanh thu của Công ty được tạo ra từ mảng kinh doanh phân Urê Đạm Cà Mau do nhiệm vụ chính của nhà máy Đạm Cà Mau là sản xuất phân Urê hạt đục cho thị trường, doanh thu từ những sản phẩm và dịch vụ khác là không đáng kể.

Chi tiết lợi nhuận gộp Công ty mẹ qua các năm 2012, 2013 và năm 2014:

Đơn vị tính : Triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2012		NĂM 2013		NĂM 2014		
	Số tiền	Tỷ trọng %/DTT	Số tiền	Tỷ trọng %/DTT	Số tiền	Tỷ trọng %/DTT	
LỢI NHUẬN GỘP							
I.	Sản phẩm	1.108.242	27,19%	1.175.577	18,78%	1.429.946	23,68%
1	Urê Đạm Cà Mau	1.076.870	26,42%	1.138.936	18,20%	1.380.004	22,86%
2	Ammonia	30.215	0,74%	36.430	0,58%	49.177	0,81%
3	Phân bón khác	1.157	0,03%	211	0,00%	766	0,01%
II.	Dịch vụ	-	-	756	0,01%	4.552	0,08%
III.	Khác	-	-	430	0,01%	-132	0,002%
	TỔNG CỘNG	1.108.242	27,19%	1.176.763	18,80%	1.434.366	23,762%

Nguồn: PVCFC (công ty mẹ)

Chi tiết lợi nhuận gộp Công ty hợp nhất qua các năm 2012, 2013 năm 2014 :

Đơn vị tính : Triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2012		NĂM 2013		NĂM 2014		
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
LỢI NHUẬN GỘP							
I.	Sản phẩm	1.108.242	27,19%	1.193.145	19,05%	1.580.284	26,15%
1	Urê Đạm Cà Mau	1.076.870	26,42%	1.156.503	18,47%	1.530.342	25,32%
2	Ammonia	30.215	0,74%	36.430	0,58%	49.177	0,81%
3	Phân bón khác	1.157	0,03%	211	0,00%	766	0,01%
II.	Dịch vụ	-	-	756	0,01%	4.552	0,08%
III.	Khác	-	-	4.096	0,07%	-126.975	-2,10%
	TỔNG CỘNG	1.108.242	27,19%	1.197.997	19,13%	1.457.862	24,12%

Nguồn: PVCFC (công ty hợp nhất)

Lợi nhuận gộp năm 2013 cao hơn so với năm 2012, tuy nhiên tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu lại giảm so với năm 2012, nguyên nhân là do tỷ trọng giá vốn trên doanh thu của phân bón Urê Đạm Cà Mau trong năm 2013 tăng so với năm 2012.

5.3. Nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ nông nghiệp nên đầu vào của Công ty là nguyên liệu khí, nguồn điện, nguồn nước và nguyên liệu xúc tác.

5.3.1. Nguồn nguyên vật liệu:

- ✚ **Nguyên liệu khí của PVCFC:** lấy từ nguồn tại mỏ PM3-CAA thông qua đường ống dẫn khí PM3. Giá khí bán cho PVCFC do Chính phủ quy định.
- ✚ **Nguồn cấp điện cho nhà máy Đạm Cà Mau:** Nguồn điện xoay chiều điện áp 20 Kv được cấp từ 2 đầu cực máy phát của 2 tổ máy phát tua bin khí GT21 và GT22 của nhà máy Điện Cà Mau 2.
- ✚ **Nguyên liệu xúc tác:** hiện tại các nguyên liệu xúc tác phải sử dụng chủ yếu từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được. Các loại nguyên liệu xúc tác là từ bản quyền của Haldor Topsoe A/S; MDEA, Amerel của BASF South East Asia Pte Ltd và hóa chất đặc chủng Nalco được nhập khẩu và cung cấp bởi Công ty trong nước.
- ✚ **Hệ thống nước làm mát bao gồm 2 hệ thống:** hệ thống làm mát bằng nước sông tuần hoàn (Sông Cái Tàu) và hệ thống làm mát bằng nước sạch tuần hoàn.

5.3.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

Với kinh nghiệm và uy tín hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân Urê và là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty luôn chủ động được nguồn hàng hóa nguyên vật liệu đầu vào phù hợp với yêu cầu mục đích kinh doanh của Công ty từ những đối tác cung cấp ổn định và đáng tin cậy.

5.3.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới Doanh thu và lợi nhuận

Với chi phí khí đầu vào chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản xuất là yếu tố sẽ ảnh hưởng lớn tới giá thành sản phẩm của Đạm Cà Mau, vì thế sự điều chỉnh trong chính sách giá khí sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả của PVCFC.

Giá khí đầu vào của PVCFC áp dụng trong năm 2014 căn cứ theo Công văn số 2175/VPCP-KTKH ngày 2/4/2014 của Văn phòng Chính phủ áp dụng cho PVCFC.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đảm bảo về giá khí cho PVCFC giai đoạn 2015 - 2018 để Công ty có tỷ suất lợi nhuận trên Vốn Chủ sở hữu bình quân là 12%/năm từ hoạt động SXKD phân bón (thông qua Hợp đồng mua bán khí).

5.4. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí so với tổng chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ qua các năm 2012, 2013 và năm 2014

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Giá vốn hàng bán	2.967.940	5.082.871	4.603.202
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>72,81%</i>	<i>81,20%</i>	<i>76,24%</i>
2	Chi phí tài chính	291.723	579.407	474.027
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>7,16%</i>	<i>9,26%</i>	<i>7,85%</i>
3	Chi phí bán hàng	42.651	136.892	190.868
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>1,05%</i>	<i>2,19%</i>	<i>3,16%</i>
4	Chi phí quản lý	75.677	99.694	162.785
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>1,86%</i>	<i>1,59%</i>	<i>2,70%</i>
5	Chi phí khác	4.387	9.966	2.322
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>0,11%</i>	<i>0,16%</i>	<i>0,04%</i>
TỔNG CỘNG		3.382.378	5.908.831	5.433.205
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>82,98%</i>	<i>94,40%</i>	<i>89,99%</i>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC năm 2014 của công ty mẹ

Tỷ trọng các khoản mục chi phí so với tổng chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất qua các năm 2012, 2013 và năm 2014.

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Giá vốn hàng bán	2.967.940	5.065.121	4.586.281
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>72,81%</i>	<i>80,87%</i>	<i>75,88%</i>
2	Chi phí tài chính	288.387	588.370	478.360
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>7,07%</i>	<i>9,39%</i>	<i>7,91%</i>
3	Chi phí bán hàng	42.651	137.912	192.795
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>1,05%</i>	<i>2,20%</i>	<i>3,19%</i>
4	Chi phí quản lý	79.012	104.625	169.009
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>1,94%</i>	<i>1,67%</i>	<i>2,8%</i>
5	Chi phí khác	4.387	9.966	2.328
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>0,11%</i>	<i>0,16%</i>	<i>0,04%</i>
TỔNG CỘNG		3.382.377	5.905.994	5.428.773
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>82,98%</i>	<i>94,30%</i>	<i>89,82%</i>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC năm 2014 của công ty hợp nhất

Do trong thời gian vừa qua được điều tiết về giá nguồn nguyên liệu khí đầu vào từ Tập đoàn và Chính phủ, nên giá vốn của Công ty không cao, chỉ khoảng 72-81% trong 3 năm từ 2012 đến 2014. Giá vốn năm 2012 từ 72,8% lên 80,9% trong năm 2013 là do một số nguyên nhân như: chi phí hóa chất tăng mạnh (năm 2013 cao hơn 93 tỷ so với 2012), năm 2013 phải hạch toán khoản mục chi phí phân bổ vật tư dự phòng cho 02 năm vận hành, và các khoản chi phí khác như bảo hiểm phúc lợi, chi thường an toàn người lao động.

Giá Urê năm 2012 giảm từ 8.500 đồng/kg xuống còn 8.000 đồng/kg trong năm 2013, đến năm 2014, thị trường phân bón cạnh tranh gay gắt nên giá Urê giảm chỉ còn 7.100 đồng/kg. Tuy nhiên, giá khí đầu vào của đơn vị được hỗ trợ để đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu từ hoạt động kinh doanh Đạm Cà Mau là 12%. Do đó, tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần của đơn vị đã giảm xuống còn 76%.

Chi phí tài chính của Công ty khá cao trong giai đoạn 2012 đến nay là do chi phí lãi vay rất cao, các khoản vay của Công ty đều nhằm mục đích đầu tư vào nhà máy Đạm Cà Mau.

Chi phí bán hàng thấp là do Công ty tận dụng được thị trường tiêu thụ tại nơi Công ty đóng trụ sở là thị trường Tây Nam Bộ và vận chuyển bằng đường thủy sẽ làm giảm đáng kể những chi phí liên quan đến bán hàng. Tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần năm 2012 tăng từ 1,05% lên 2,20% trong năm 2013 do một số nguyên nhân chính sau đây: năm 2012, PVCFC tập trung vào việc ổn định sản xuất và vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau an toàn, hiệu quả. Bước sang năm 2013, PVCFC đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối, tăng cường đầu tư cho công tác xây dựng, phát triển thương hiệu để quảng bá sản phẩm trên thị trường tới khách hàng trên toàn quốc. Do đó, tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần năm 2014 của Công ty cũng tăng so với năm 2013.

Chi phí quản lý cũng thấp đã thể hiện được sự quản lý chi phí văn phòng rất tốt trong thời gian vừa qua. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần của PVCFC năm 2012 là 1,94%; năm 2013 giảm xuống còn 1,67%; đến năm 2014 thì tăng lên 2,8%. Nguyên nhân chi phí quản lý trong năm 2014 tăng so với năm 2013 là do trong năm 2014, Công ty hạch toán phí quản lý của Tập đoàn vào chi phí của Công ty. PVCFC là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được hưởng những ưu đãi từ Tập đoàn nên cũng sẽ phải trả một khoản phí quản lý cho Tập đoàn.

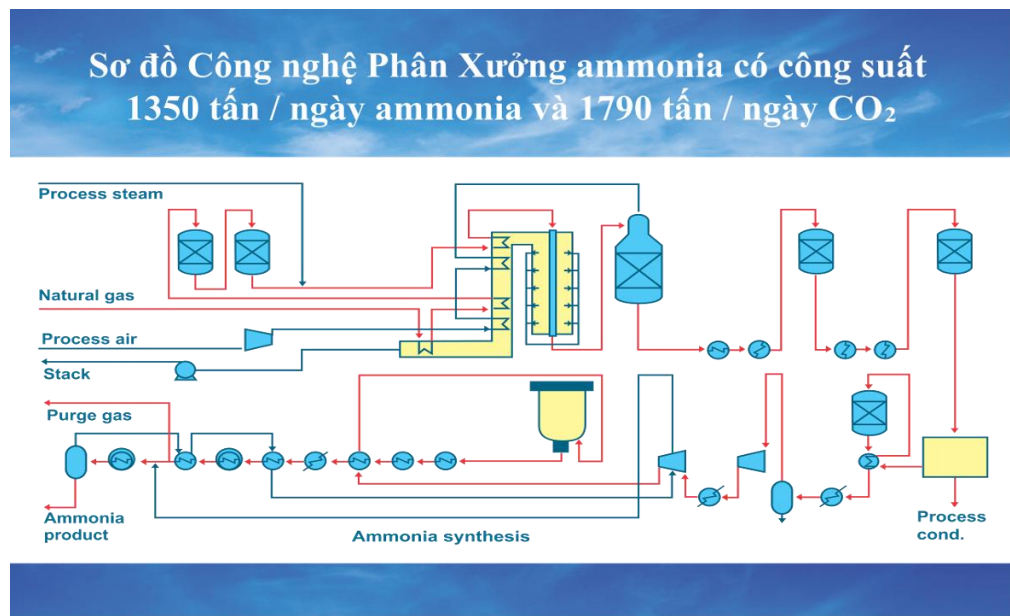
5.5. Trình độ công nghệ

Công nghệ được áp dụng cho Nhà máy Đạm Cà Mau đều là các công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất hiện nay. Hầu hết các thiết bị chính, quan trọng đều có xuất xứ từ EU/G7. Các tiêu chuẩn áp dụng cho Nhà máy là các tiêu chuẩn Quốc tế (ASME, API, JIS...) và các tiêu chuẩn bắt buộc về môi trường và an toàn, PCCC của Việt Nam. Cụ thể bao gồm:

Công nghệ sản xuất Ammonia của Haldor Topsoe SA - Đan Mạch: là nhà bản quyền lâu năm và uy tín trong lĩnh vực sản xuất Ammonia, công nghệ sản xuất luôn được cập nhật và cải tiến. Được áp dụng vào những licence mới như với CMFP được thể hiện ở hệ thống đầu đốt, hệ thống logic kiểm soát an toàn hệ thống, bố trí lớp bê tông chịu nhiệt, thể hệ thiết bị tổng hợp Ammonia.

Bản quyền công nghệ Haldor-Topsoe được đánh giá cao trên toàn thế giới là công nghệ tiêu hao năng lượng thấp, hiệu suất cao.

Sơ đồ Công nghệ phân xưởng ammonia có công suất 1.350 tấn/ngày ammonia và 1.790 tấn/ngày CO₂.



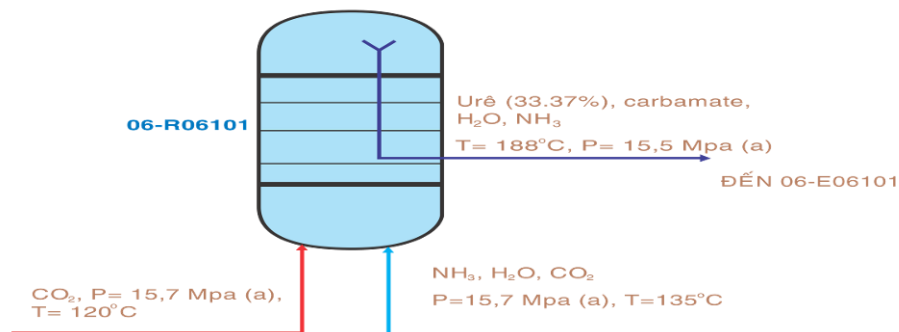
Công nghệ sản xuất Urê của Snamprogetti - Italy: Công nghệ tổng hợp Urê của Snamprogetti sử dụng NH₃ tự phân tách trên cơ sở quá trình bay hơi tái sinh tuần hoàn toàn bộ, là công nghệ sản xuất tiên tiến, hiệu quả và an toàn.

Công nghệ tổng hợp Urê của hãng Snamprogetti đã được chuyển giao thành công tại Nhà máy Đạm Cà Mau và hiện đang được đội ngũ vận hành tiếp nhận, vận hành

thành thực.

Công nghệ này thường xuyên được cập nhật để nâng cao tính tự động hóa và độ an toàn trong công nghệ cao áp và môi trường dễ cháy nổ. Điều này thể hiện rõ trong dự án CMFP bằng những van motor thay thế cho van tay, hệ thống phân tích online khí cháy nổ để có điều chỉnh kịp thời.

THÁP TỔNG HỢP URÊ 06-R-06101

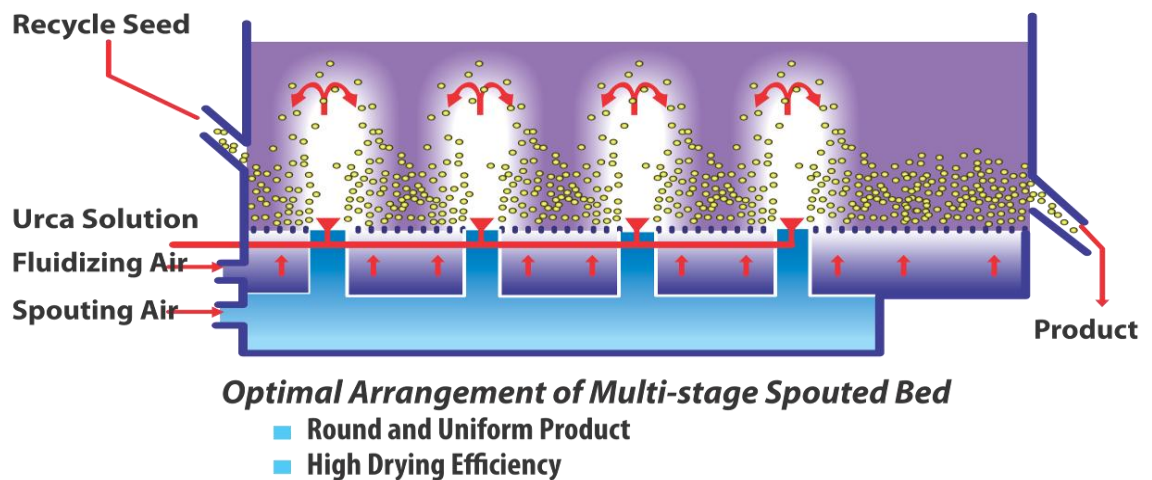


Công nghệ vê viên tạo hạt của Toyo Engineering Corp. - Nhật Bản: TEC sở hữu công nghệ tạo hạt có tên gọi là “Spout-Fluid Bed Granulation” được phát triển và vận hành thành công xưởng tạo hạt đạm với công suất cao. Hiện, TEC đã thiết kế những phân xưởng vê viên với công suất 3250 tấn/ngày.

Công nghệ tạo hạt của TEC cho ra nhiều sản phẩm hạt có kích thước khác tương ứng với mỗi mục đích sử dụng như đò đống, rải trên không cho rừng... hay là yêu cầu của thị trường bằng cách thay đổi kích thước của lỗ sàn.

Hệ thống tạo hạt có thể hoạt động liên tục không phải vệ sinh với thời gian khoảng 4 hay 6 tuần, không gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất đạm bởi dung dịch đạm sẽ được chứa trong bồn chứa dung dịch đạm lỏng.

Dựa trên các nhà máy đang áp dụng và những nghiên cứu khoa học, TEC đã đẩy mạnh việc cải tiến phần thiết kế thiết bị lọc bụi nhằm mục đích thu hồi bụi tốt hơn và giảm giá thành lắp đặt. Bụi đạm có trong không khí thải hầu như không có.



Tháng 07/2014, Công ty đã mở rộng đầu tư nâng cấp hệ thống bảo vệ thiết bị (MPS) Nhà máy Đạm Cà Mau để tăng độ tin cậy và tính sẵn sàng của thiết bị nhằm đảm bảo thiết bị động trong nhà máy hoạt động an toàn và liên tục. Trong tháng 11/2014, Công ty tiếp tục hoàn thành dự án RBI để cung cấp tổng thể việc đánh giá và phân hạng rủi ro cho các đường ống công nghệ và thiết bị tĩnh của nhà máy Đạm Cà Mau. Xây dựng kế hoạch kiểm định và bảo dưỡng các thiết bị trên cơ sở phân hạng rủi ro, đảm bảo thiết bị hoạt động tin cậy và giảm thiểu rủi ro.

Đầu tháng 2/2015, Công ty đã đưa dự án Mái che cảng xuất sản phẩm vào hoạt động để chủ động trong quá trình khai thác và xuất sản phẩm qua Khu cảng, hạn chế được các yếu tố của thời tiết chủ yếu là do mưa gây ra làm ảnh hưởng đến việc xuất sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau, từ đó làm tăng thời gian hoạt động và đảm bảo an toàn sản xuất cho khu Cảng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Và đến cuối năm 2015 phải hoàn thành xong dự án ERP, để nâng cao tính hiệu quả trong quản lý và kiểm soát các hoạt động sản xuất -kinh doanh, giải quyết các vấn đề khó khăn tồn đọng trong quá trình nghiệp vụ tại các phòng ban thông qua các tính năng tổng hợp, phân tích và cung cấp các thông tin chuyên sâu, đa chiều và kịp thời phục vụ việc ra các quyết định.

5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Vào tháng 9/2014, Công ty đã hoàn thành dây chuyền sản xuất phân bón thử nghiệm để có thể sản xuất được các loại phân bón tổng hợp với hàm lượng khác nhau từ nguồn nguyên liệu Urê (dạng viên, dạng bụi), SSP, KCl, TE và chất độn với công suất 2 tấn/giờ. Công ty cũng đã hoàn thành máy ép và máy sấy phân viên nén với chức năng nén ép hỗn hợp phân bón sau khi đã được nghiền trộn với tỷ lệ thích hợp để tạo ra các viên phân có kích thước, độ ẩm, độ cứng và đặc tính theo yêu cầu lưu kho và sử dụng

đối với cây trồng.

Dự kiến trong năm 2015, Công ty sẽ sản xuất tối thiểu 1 dòng sản phẩm mới dựa trên nền tảng Urê hiện có.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

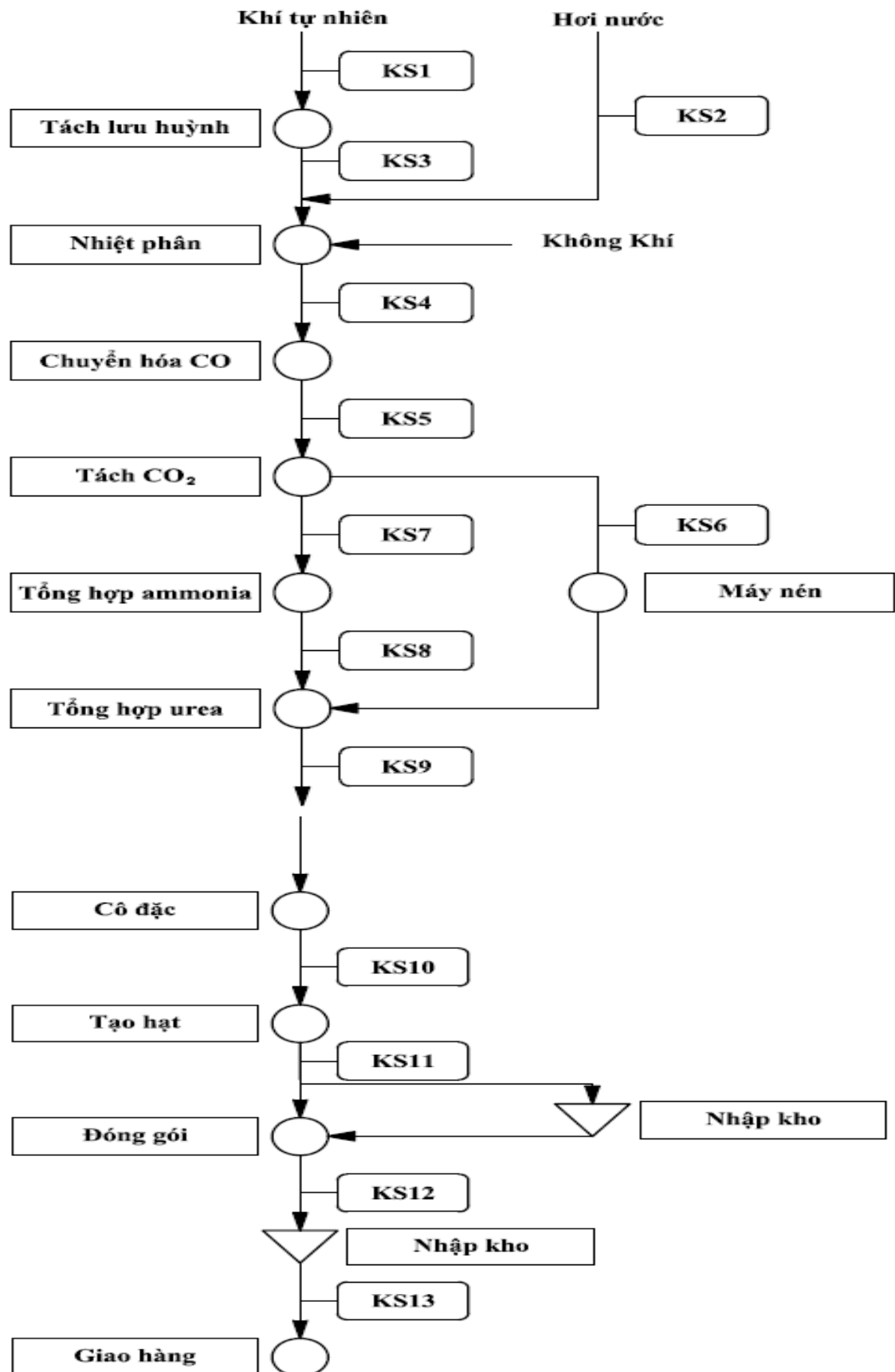
5.7.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Hiện tại, Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 từ năm 2013. Bên cạnh đó, bộ phận thử nghiệm nhà máy đã được Văn phòng công nhận chất lượng Việt Nam (BoA) công nhận năng lực thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

Ngoài ra, Sản phẩm Đạm Cà Mau đã được công nhận là sản phẩm đảm bảo chất lượng năm 2013 bởi Viện Doanh Nghiệp Việt Nam - Hội Đồng Liên Minh Thương Mại.

5.7.2. Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Kiểm tra chất lượng trên các công đoạn sản xuất phân bón thực hiện theo sơ đồ sau:



5.7.3. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Chất lượng sản phẩm là nhân tố quan trọng quyết định khả năng cạnh tranh đồng thời khẳng định uy tín và thương hiệu sản phẩm trên thị trường. Ngay từ khi đi vào hoạt động, PVCFC đã thành lập bộ phận Quản lý chất lượng sản phẩm trực thuộc Ban Kỹ thuật Công nghệ với nhiệm vụ kiểm nghiệm toàn bộ quá trình từ nguyên liệu đến bán thành phẩm, thành phẩm ở các phân xưởng sản xuất và kho dựa trên tiêu chuẩn sản xuất đã ban hành và áp dụng theo tiêu chuẩn cơ sở đã công bố.

Bộ phận Quản lý chất lượng của công ty cũng chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình bảo đảm chất lượng của cả quá trình từ sản xuất, tồn trữ đến tiêu thụ, đảm bảo cho mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty khi đưa ra thị trường phù hợp với yêu cầu về mặt chất lượng. Song song, nhiệm vụ chủ trì việc phối hợp với các bộ phận có liên quan để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan như: kiểm nghiệm thiết bị; dụng cụ sản xuất và kiểm nghiệm; đánh giá nhà cung cấp; điều tra xử lý sự cố liên quan đến chất lượng sản phẩm; xem xét khiếu nại khách hàng.

5.8. Hoạt động Marketing

a. Quảng bá thương hiệu:

Sau hơn 2 năm đi vào hoạt động, PVCFC đã xây dựng thương hiệu Đạm Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng là một trong những thương hiệu có uy tín trên thị trường, ngày càng được nhiều người biết đến và gắn gũi với bà con nông dân, với những hoạt động đã được triển khai như sau:

- Đồng hành cùng nông dân, PVCFC đã và đang hợp tác với đội ngũ các nhà khoa học đẩy mạnh công tác hội thảo/tọa đàm nhằm chuyển giao kỹ thuật canh tác, kiến thức về chăm sóc cây trồng, giúp người nông dân nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón trong canh tác.
- Tài trợ và tham gia chuỗi các hoạt động nhân dịp tổ chức sự kiện Diễn đàn hợp tác kinh tế vùng ĐBSCL (MDEC), sự kiện hội nghị triển lãm quốc tế chuyên ngành dầu khí (ASCOPE) lần thứ X; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Trái tim biển đảo...
- Phối hợp với Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Cần Thơ tổ chức cuộc thi Tiềm kiếm tài năng ngôi sao cải lương dành cho 13 tỉnh, thành khu vực ĐBSCL. Qua đó, Đạm Cà Mau thật sự trở thành người bạn đồng hành không chỉ trong sản

xuất và còn trong cuộc sống với người dân Tây Nam bộ.

- Triển khai ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược vì sự phát triển nông nghiệp bền vững với CTCP Bảo vệ thực vật An Giang (AGPPS). Theo đó, PVCFC và AGPPS phối hợp đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm phân bón và các giải pháp về dinh dưỡng cho các loại cây trồng ở các vùng thổ nhưỡng khác nhau. Đối với người nông dân, hai bên sẽ cùng nhau đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật dưới mọi hình thức, chú trọng cung cấp các giải pháp kỹ thuật tiên tiến, hiệu quả và toàn diện; hợp tác xây dựng chuỗi giá trị trong ngành sản xuất lúa gạo Việt Nam thông qua triển khai chương trình cánh đồng lớn tại các tỉnh. Thỏa thuận hợp tác này sẽ góp phần thúc đẩy sự hợp tác, liên kết của các doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp với mục tiêu nâng cao vị thế của người nông dân.
- Công tác ASXH được Công ty coi trọng và xem đây là mục tiêu gắn liền mục đích kinh doanh. Công ty đã và đang triển khai các chương trình ASXH như: xây dựng nhiều trường học để phát triển giáo dục; tập trung vào hỗ trợ xây dựng nhà ở cho gia đình chính sách, người nghèo; xây dựng trung tâm y tế; tài trợ cho sinh viên học sinh nghèo học giỏi; góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí...
- Hai năm liên tiếp 2013 – 2014, PVCFC được vinh danh “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm ASXH và phát triển cộng đồng”.

b. Hệ thống phân phối:

Hệ thống phân phối của công ty được xây dựng theo mạng lưới phân phối, rộng khắp các thị trường khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, miền Trung, Tây Nguyên, miền Bắc, thông qua các đại lý cấp 1 với ba kênh chính là hệ thống đại lý, hệ thống các nhà sản xuất và xuất khẩu có sẵn cơ sở vật chất (hệ thống kho bãi, khu vực tiếp nhận dễ dàng, nhanh chóng, thuận tiện cho việc vận chuyển), có tiềm lực tài chính mạnh, nhiều uy tín, kinh nghiệm trong ngành kinh doanh phân bón.

Từ 02 thị trường chính là Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, đến nay thương hiệu Đạm Cà Mau đã có mặt trên toàn quốc và mở rộng sang các thị trường khu vực Châu Á. PVCFC đã tổ chức tốt công tác giao nhận, vận chuyển và tổ chức tiêu thụ sản phẩm kịp thời thông qua hệ thống phân phối đến người tiêu dùng góp phần phục vụ đắc lực cho công tác sản xuất nông nghiệp nước nhà.

c. Chính sách giá bán sản phẩm:

Công ty áp dụng chính sách giá bán phù hợp, linh hoạt, bám sát giá thị trường nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ và làm hài lòng khách hàng, bà con nông dân với mong muốn song hành với lợi ích cũng như khó khăn của nông dân.

Đặc biệt, PVCFC áp dụng chiết khấu thương mại đối với các Đại lý/Cửa hàng và nhà sản xuất NPK có ký hợp đồng mua bán sản phẩm Đạm Cà Mau dài hạn và đáp ứng các điều kiện quy định tại chính sách bán hàng của công ty.

5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty :



Nhãn hiệu hàng hoá, nhận diện thương hiệu PVCFC đang được đăng ký vào sổ đăng bạ nhãn hiệu hàng hoá quốc gia, sau khi được chấp thuận, biểu tượng đăng ký có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước Việt Nam và được bảo hộ tổng thể. Biểu tượng cây lúa vàng phát triển trên nền đất xanh trùng với màu của chữ Đạm Cà Mau tượng trưng cho sự so sánh ẩn dụ Sản phẩm Đạm Cà Mau là sản phẩm phân bón Urê chất lượng mang lại những mùa vàng tốt tươi.



Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ Nhãn hiệu logo ĐẠM CÀ MAU – HẠT NGỌC MÙA VÀNG từ tháng 12/2014. Ngày 02/02/2015 Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau nhận được Quyết định số 7192/QĐ-SHTT ngày 30/01/2015 của Cục SHTT về việc Chấp thuận đơn hợp lệ, hiện PVCFC đang chờ Cục Sở hữu Trí tuệ cấp theo thời gian quy định.

Nhãn hiệu này cũng đã hoàn tất đăng ký tại nước ngoài tại Cambodia và đã được Bộ Thương mại CPC cấp giấy chứng nhận số: KH/47481/13 ngày cấp 31/10/2013. Tại Thailand cũng đã hoàn tất thủ tục đăng ký trong năm 2014 và trong thời gian chờ

cấp giấy chứng nhận.

- Website của Công ty : www.pvcfc.com.vn

5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết đến thời điểm hiện nay

Stt	Đối tác ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị (đồng)	Thời gian ký HĐ
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu PVCFC)	Cung cấp Khí	Theo công suất tiêu thụ	Tháng 5/2012
2	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Cung cấp Điện	Theo công suất tiêu thụ	Tháng 3/2011
3	Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Khánh An	Cung cấp Nước	Theo công suất tiêu thụ	Tháng 9/2012
4	Công ty Cấp nước và Công trình Đô thị Cà Mau	Cung cấp Nước	Theo công suất tiêu thụ	Tháng 4/2012
5	Công ty Bảo Hiểm Dầu khí	Dịch vụ Bảo hiểm Vận hành Nhà máy	51.452.538.239 đồng	Tháng 2/Năm 2014 (ký HĐ hàng năm)

Nguồn: PVCFC

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong 03 năm gần nhất

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm	Năm 2014	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	14.832.892	14.215.010	-4,17%	16.480.645	15,94%
2	Vốn chủ sở hữu	3.271.537	3.433.802	4,96%	5.538.201	61,28%
3	Vốn điều lệ	3.198.074	3.198.074	-	4.120.034	28,83%
4	Doanh thu thuần	4.076.182	6.259.634	53,57%	6.037.568	-3,55%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	730.296	488.744	-33,08%	788.584	61,35%
6	Lợi nhuận khác	6.375	36.828	477,69%	57.481	56,08%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm	Năm 2014	% tăng giảm
7	Lợi nhuận trước thuế	736.671	525.572	-28,66%	846.066	60,98%
8	Lợi nhuận sau thuế	736.671	525.222	-28,70%	811.987	54,60%
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%			
10	Tỷ lệ LNST/vốn CSH BQ (*)	44,53%	15,85%		18,10%	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC năm 2014 của công ty mẹ

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm	Năm 2014	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	14.884.520	14.264.176	-4,17%	16.543.606	15,98%
2	Vốn chủ sở hữu	3.271.537	3.437.257	5,07%	5.545.838	61,34%
3	Vốn điều lệ	3.198.074	3.198.074	-	4.120.034	28,83%
4	Doanh thu thuần	4.076.182	6.263.118	53,65%	6.044.143	-3,50%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	730.296	495.135	-32,20%	798.534	61,28%
6	Lợi nhuận khác	6.375	36.924	479,20%	57.569	55,91%
7	Lợi nhuận trước thuế	736.671	532.060	-27,78%	856.104	60,90%
8	Lợi nhuận sau thuế	736.671	531.710	-27,82%	820.887	54,39%
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	3.168		1.930	
	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	736.671	528.542		818.957	
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%		0%	
10	Tỷ lệ LNST/vốn CSH BQ (*)	44,53%	15,85%		18,28%	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC năm 2014 của công ty hợp nhất

(*): Tỷ suất LNST/vốn CSH BQ của năm 2012 cao hơn rất nhiều so với năm 2013 và 2014 là do các nguyên nhân sau:

- Trong năm 2013 giá bán Ure bình quân giảm sâu so với năm 2012 khoảng 9,4% làm cho lợi nhuận giảm. Bên cạnh đó, khoản lợi nhuận sau khi phân phối năm 2013 chưa nộp hết về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ) làm cho nguồn vốn CSH năm 2013 cao hơn

năm 2012.

- Trong năm 2014 lợi nhuận sau thuế cao hơn năm 2012 là 11,43 %. Tuy nhiên, trong năm 2014 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bổ sung thêm vốn điều lệ để đảm bảo đúng cơ cấu VCSH/Vốn vay theo tỷ lệ quy định tại Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản tăng lên do đơn vị đánh giá lại tài sản và trong năm đơn vị trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước làm cho nguồn vốn CSH năm 2014 tăng lên 69,52% so với năm 2012.

Qua một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh nêu trên, ta có thể nhận thấy:

- Doanh thu thuần năm 2013 tăng hơn 50% so với năm 2012, tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế lại giảm đến 28% so với năm 2012. Điều này làm cho tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của công ty trong năm 2013 đã giảm 28,68% so với năm 2012. Nguyên nhân là do:
 - Giá Urê thế giới năm 2013 giảm mạnh so với giá năm 2012 nên ảnh hưởng trực tiếp đến giá urê trong nước, trong đó có Đạm Cà Mau.
 - Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Công thương Việt Nam của Công ty bắt đầu thực hiện nghĩa vụ trả lãi. Cụ thể, đối với hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số HĐTĐĐT-CM/PV-VIETINBANK2009 ngày 25/9/2009, đến 31/12/2012 mới phát sinh nợ vay và bắt đầu từ 30/06/2013, Công ty mới thực hiện trả lãi. Đối với hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2010HĐTĐĐT-NHPT ngày 17/06/2010, thì đến 20/12/2012 mới phát sinh nợ vay và bắt đầu từ 20/01/2013, Công ty mới thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng.
 - Khoản chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do các khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ từ các tổ chức Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam và Ngân hàng Trung Quốc.

Tuy nhiên, trong bối cảnh mới ra đời và đi vào hoạt động chưa lâu, việc đạt được những kết quả trên vẫn đáng ghi nhận. Có được thành tựu đó là do một số yếu tố chính sau đây:

- Vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau đảm bảo ổn định an toàn và hiệu quả: Nhà máy luôn vận hành an toàn, ổn định trên 98% công suất với sản lượng trung bình đạt 2.342 tấn Urê/ngày, trong đó loại thương mại (loại 1) đạt trên 98%.
- Hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tổ chức, quản lý, quản trị vận hành nhà máy và

kinh doanh phân đạm tiết kiệm, hiệu quả.

- Chiến lược phát triển Công ty phù hợp với định hướng phát triển và Đề án tái cấu trúc Tập đoàn giai đoạn 2011-2015.
- Mở rộng thị trường, phát triển mạng lưới phân phối ở các khu vực; hợp tác chặt chẽ với hệ thống đại lý triển khai tiêu thụ sản phẩm Đạm Cà Mau hiệu quả;
- Khai thác tối đa hệ thống cơ sở hạ tầng về kho bãi, dịch vụ logistic, hệ thống phân phối của các đơn vị ngành dầu khí.
- Thương hiệu “Đạm Cà Mau- Hạt Ngọc Mùa Vàng” đang dần trở thành một trong những thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Doanh thu thuần năm 2014 giảm nhẹ 3,5% so với năm 2013 nhưng LNST tăng mạnh 54,39%. Năm 2014, doanh thu thuần của đơn vị giảm nhẹ 3,5% so với năm 2013 chủ yếu do giá bán Đạm Cà Mau tiếp tục giảm. Thị trường phân bón năm 2014 nguồn cung vẫn dồi dào do sản lượng sản xuất trong nước và nhập khẩu dẫn đến diễn biến thị trường phân bón cạnh tranh gay gắt. Giá bán bình quân Đạm Cà Mau năm 2014 là 7.097.000 đồng/tấn, giảm gần 11% so với giá bán bình quân năm 2013 (7.097.000/8.033.000 đồng/tấn)

Tuy nhiên, với lợi thế sản phẩm cộng với Công ty đã áp dụng chính sách bán hàng hợp lý, đẩy mạnh chính sách giá cả cạnh tranh, phát triển thương hiệu nhằm chiếm thị phần ở thị trường mục tiêu nên hoạt động kinh doanh của đơn vị đã vượt kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2014 của đơn vị đạt 820,89 tỷ đồng, tăng hơn 54% so với năm 2013 và vượt 25% so với kế hoạch, nguyên nhân là do:

- Giá khí, nguyên liệu chính của Urê giảm để đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu từ hoạt động kinh doanh Đạm Cà Mau 12%.
- Chi phí tài chính năm 2014 của đơn vị giảm mạnh, hơn 110 tỷ đồng so với năm 2013 tương đương 19% do trong năm 2014, ngoài các khoản nợ gốc đến hạn trả, đơn vị đã cân đối dòng tiền trả nợ trước hạn 45 triệu USD. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc khoản vay với Ngân hàng PVCombank với lãi suất thấp hơn đã giúp cho chi phí lãi vay năm 2014 giảm mạnh
- Cơ cấu một số khoản nợ vay với lãi suất thấp hơn giúp giảm lãi vay, cải thiện lợi nhuận của Công ty.
- Năng lực tài chính, dòng tiền của Công ty tiếp tục được cải thiện, giúp tối đa hóa

thu nhập thông qua các khoản đầu tư tài chính hiệu quả.

- Phát huy lợi thế Nhà máy Đạm Cà Mau ở gần thị trường mục tiêu ở ĐBSCL để duy trì ổn định sản lượng tiêu thụ, góp phần giảm chi phí vận chuyển, thuê kho bãi và các dịch vụ logistic trong quá trình tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

6.2.1. Những nhân tố thuận lợi:

- PVCFC luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ Tập đoàn, các đơn vị thành viên trong ngành và các bộ ngành Trung ương, chính quyền địa phương.
- Nhà máy Đạm Cà Mau có thế mạnh về vị trí địa chiến lược của cụm Tây Nam bộ, thuận tiện cho việc phân phối sản phẩm tại khu vực vùng ĐBSCL; cùng với sản lượng 800 nghìn tấn urê/năm, PVCFC đã đáp ứng 40% nhu cầu phân đạm trong nước.
- Sản phẩm Đạm Cà Mau hiện là sản phẩm đạm hạt đục duy nhất được sản xuất tại Việt Nam, với nhiều ưu điểm như dễ phối trộn với các loại phân bón khác để bón kết hợp, dễ bảo quản, ít gây bụi,... được bà con nông dân tin tưởng đón nhận, sử dụng qua đó tạo lợi thế quảng bá thương hiệu của công ty.
- Nguồn cung cấp khí và điện ổn định từ đường ống dẫn Khí PM3, Nhà máy Điện Cà Mau - PV Power CM.
- Chủ động trong cung cấp bao bì được sản xuất bởi công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam - Công ty con PVCFC.
- Có nguồn nhân lực trẻ, có trình độ và được đào tạo khá bài bản từ những nhà máy tương tự, Lãnh đạo công ty luôn chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- Công ty ra đời sau, tận dụng các kinh nghiệm của các công ty đi trước để phát triển thương hiệu và hệ thống phân phối, quản trị công ty. Do mới được thành lập nên dễ dàng hơn trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức, áp dụng phương thức quản lý hiện đại.
- Sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự đoàn kết thống nhất cao của toàn thể CBCNV, người lao động trong công ty.

6.2.2. Những nhân tố khó khăn:

- Môi trường kinh doanh diễn biến phức tạp, khó dự báo.

- Tình trạng phân bón giả, kém chất lượng, giá rẻ vẫn liên tục xuất hiện, với biện pháp chế tài chưa đủ sức răn đe gây tác hại đến khả năng cạnh tranh của các sản phẩm phân bón có uy tín nói chung và Đạm Cà Mau nói riêng.
- Công ty đã đề ra một số giải pháp để khắc phục khó khăn này: kết hợp với các đơn vị để hình thành nên chuỗi giá trị sản phẩm, góp phần giúp nông dân giảm bớt khó khăn, gia tăng lợi nhuận, yên tâm mở rộng sản xuất. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn người nông dân để giới thiệu sản xuất, cách sử dụng cũng như các phân biệt để tránh mua phải hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng. Ký kết hợp tác với đơn vị công an, Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn, các cơ quan có thẩm quyền, hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng thường xuyên kiểm tra các đại lý, cơ sở sản xuất phân bón để ngăn chặn hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng bán tới tay người nông dân.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với quy mô công suất của Nhà máy Đạm Cà Mau sản xuất 800.000 tấn/năm, PVCFC là đơn vị chiếm gần 8% thị phần phân bón cả nước và 40% thị phần urê nội địa. Đặc biệt, tại các thị trường ĐBSCL là nơi có nhu cầu tiêu thụ urê và sản xuất lúa gạo lớn nhất cả nước, thị phần của PVCFC đứng số 1 và đang tiếp tục duy trì vị thế này so với đối thủ cạnh tranh; Tại thị trường Đông Nam Bộ, PVCFC có thị phần thứ hai, chỉ sau Đạm Phú Mỹ và tại Campuchia, PVCFC có thị phần lớn nhất trong khi tiềm năng phát triển nông nghiệp của nước này không ngừng gia tăng và nhu cầu tiêu thụ urê tiếp tục được cải thiện trong thời gian tới với quy mô đạt 400.000-500.000 tấn/năm vào năm 2018.

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng tài sản của Công ty đạt hơn 15.390 tỷ, là đơn vị có quy mô tài sản hàng đầu trong ngành phân bón cả nước. Điều này thể hiện vị thế vai trò tiên phong trong việc đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại từ các nước EU/G7 với giá trị cao, đồng thời cũng thể hiện tầm nhìn xa của Ban lãnh đạo Công ty. Đây cũng là một trong những rào cản lớn hạn chế sự gia nhập ngành của các đối thủ tiềm năng trong tương lai.

Sau gần 3 năm đi vào hoạt động, đến nay, thương hiệu “Đạm Cà Mau – Hạt Ngọc Mùa Vàng” đang nhận được sự tin tưởng của bà con nông dân cả nước, nhất là ở khu vực phía Nam thông qua các hoạt động tiếp thị trực tiếp đến người nông dân; triển khai

công tác quảng bá thương hiệu trên các phương tiện truyền thông đại chúng; tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, các chương trình hành động vì cộng đồng. Ngoài ra, với hệ thống kênh phân phối được tổ chức tinh gọn giúp Công ty tiết giảm chi phí bán hàng, giảm chi phí trung gian nhằm góp phần giảm giá bán đến tay người tiêu dùng, qua đó, tăng cường năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Như đã phân tích ở các phần trước, hiện nguồn cung urê trong nước đang vượt nhu cầu trong khi Việt Nam phải cạnh tranh với các sản phẩm urê giá rẻ nhập khẩu từ nước ngoài, đặc biệt là urê Trung Quốc. Để giải quyết bài toán này, Công ty chủ động triển khai chính sách bán hàng linh hoạt, chủ động dẫn dắt thị trường và thực thi chính sách hướng tới và coi khách hàng là trung tâm nhằm gắn bó, đồng hành lâu dài với khách hàng, tạo sự yên tâm cho khách hàng. Mặt khác, Công ty chủ động triển khai xuất khẩu sang thị trường khu vực trên cơ sở cân đối nguồn cung cầu urê hợp lý trong nước trong khi vẫn bảo đảm duy trì vai trò bình ổn thị trường phân bón theo chủ trương của Chính phủ đề ra.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

7.2.1. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón

Năm 2014 tiếp tục là năm không thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành phân bón khi cán cân cung cầu dãn ở vị thế cân bằng.

Theo Bộ NN & PTNN, nhu cầu phân bón ở Việt Nam trong năm 2014 cần gần 11 triệu tấn các loại, tăng cao hơn so với mức 10,3 triệu tấn trong năm 2013. Trong đó, nhu cầu phân Urê 2.200.000 tấn, phân DAP 900.000 tấn, phân SA 900.000 tấn, phân Kali 960.000 tấn, Phân lân 1.800.000 tấn, phân NPK 4.000.000 tấn.

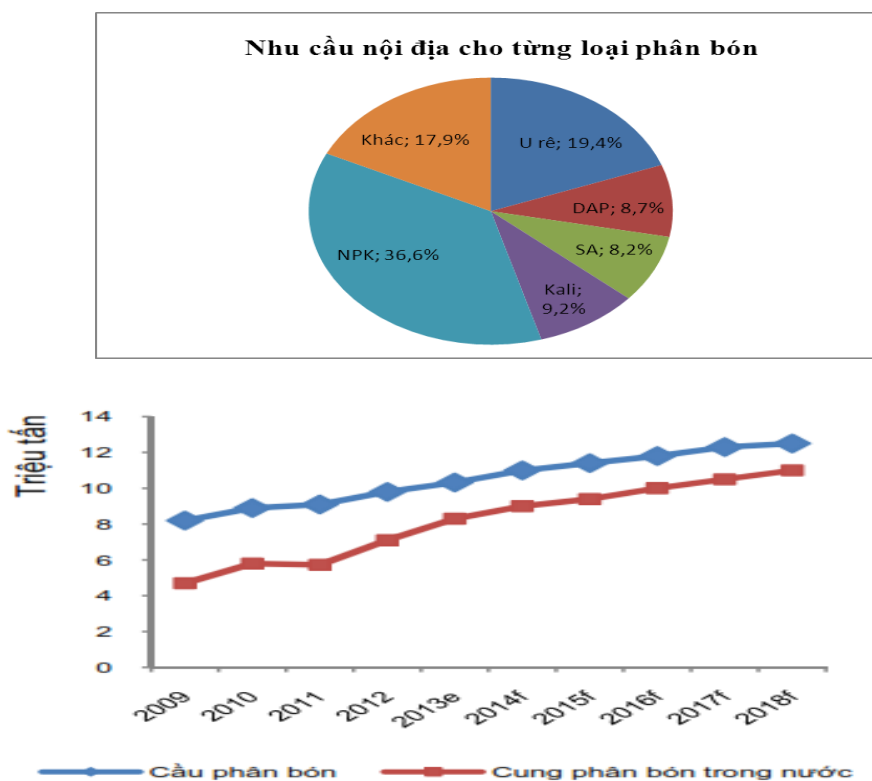
Hiện nay, năng lực sản xuất phân bón trong nước đã đáp ứng được trên 80% nhu cầu sử dụng phân vô cơ với tổng sản lượng sản xuất hàng năm đạt trên 8 triệu tấn các loại. Bên cạnh đó, năng lực sản xuất một số loại phân bón U rê, NPK và phân lân đã đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Năng lực sản xuất phân U rê trong nước trong năm 2014 là 2,34 triệu tấn/năm, gồm: Đạm Phú Mỹ 800.000 tấn, Đạm Cà Mau 800.000 tấn, Đạm Hà Bắc 180.000 tấn (nâng công suất lên 500.000 tấn/năm vào cuối năm 2014), Đạm Ninh Bình 560.000 tấn. Như vậy, sản lượng U rê sản xuất trong nước của ta sẽ dư thừa nên việc hướng đến xuất khẩu phân đạm là một điều tất yếu.

Ngoài ra, các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước đang phải đối mặt với những vấn đề về phân bón nhập khẩu, nhất là phân U rê có nguồn gốc từ Trung Quốc với giá thành rẻ hơn so với giá phân bón sản xuất trong nước cùng với tình trạng phân bón giả, kém chất lượng vẫn đang tiếp diễn và khiến thị trường phân bón cạnh tranh không lành mạnh. (Nguồn: www.petrotimes.vn)

7.2.2. Triển vọng phát triển thị trường phân bón nội địa

Mặc dù giai đoạn suy thoái kinh tế vừa qua, hoạt động kinh doanh của hầu hết các ngành sản xuất khác bị giảm sút thì ngành phân bón vẫn có được sự tăng trưởng trong doanh thu. Ngành phân bón nội địa vẫn tăng trưởng ổn định do sự duy trì mức tăng của nhu cầu và sự tăng lên của diện tích canh tác. Từ năm 2013, các doanh nghiệp phân bón đang tìm kiếm cơ hội để xuất khẩu phân bón ra nước ngoài, trước tiên là các nước Đông Dương, tạo nền tảng cho phân bón nhập khẩu tăng từ 0,4 triệu tấn năm 2009 lên 2,9 triệu tấn năm 2013.



Nguồn: Agromonitor

7.2.3. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón tại khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, và thị trường Campuchia

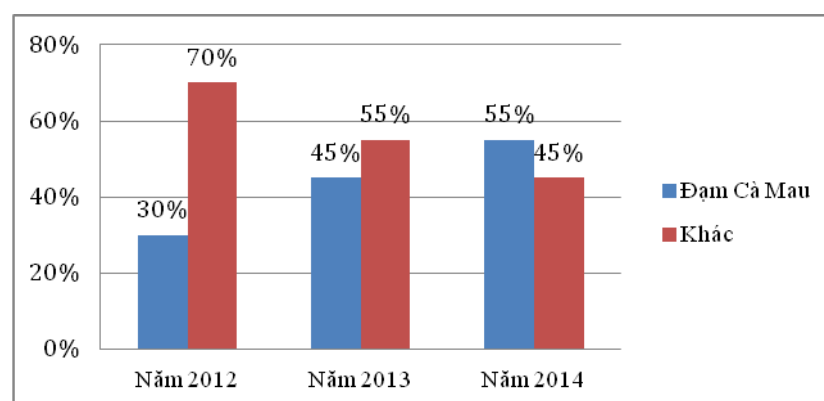
Thị trường Tây Nam Bộ với 4,1 triệu ha đất trồng lúa được coi là thị trường tiêu thụ phân bón lớn nhất cả nước, nhu cầu ure hàng năm khoảng 700.000 tấn, chiếm 1/3 nhu

cầu urê cả nước. Thị phần Đạm Cà Mau tại thị trường này liên tục được cải thiện và có bước tiến bộ vượt bậc: năm 2012, thị phần đạt 30%, năm 2013 đạt 45% và năm 2014 đạt 55%.

Thị trường Đông Nam Bộ chủ yếu tập trung sản xuất, trồng trọt các loại cây công nghiệp như cà phê, cao su, hồ tiêu, điều là mặt hàng xuất khẩu chủ lực nên nhu cầu tiêu thụ urê lớn, với mức tiêu thụ hàng năm khoảng 400.000 - 420.000 tấn, chiếm 25% nhu cầu urê cả nước. Tại thị trường này, dù gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh so với sản phẩm khác nhưng thị phần Đạm Cà Mau cũng được cải thiện hàng năm, theo đó, năm 2012, thị phần Đạm Cà Mau đạt 10%, năm 2013 đạt 19% và năm 2014 đạt 25%.

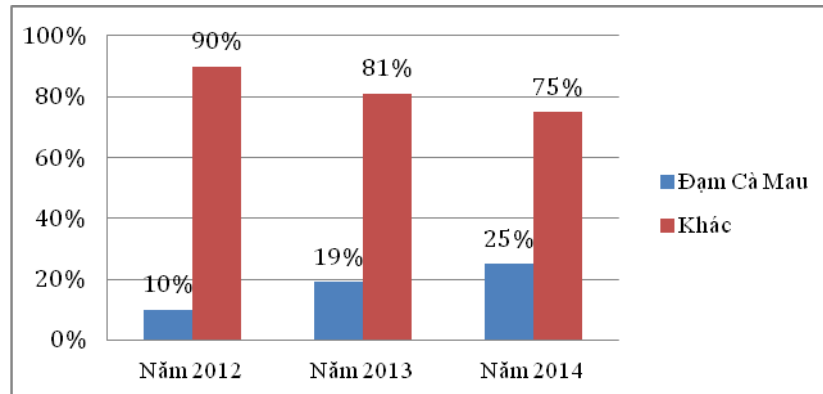
Thị trường Campuchia nằm tiếp giáp với khu vực ĐBSCL và có tập quán canh tác chủ yếu sử dụng urê hạt đục (tỷ lệ đạt 95%) là thị trường quan trọng của PVCFC với nhu cầu tiêu thụ urê khoảng 250.000-280.000 tấn/năm. Việc tiêu thụ Đạm Cà Mau được triển khai thông qua hình thức xuất khẩu trực tiếp cho các đại lý. Theo đó, năm 2012, thị phần Đạm Cà Mau đạt 10%, năm 2013 đạt 30% và năm 2014 đạt 35%. Với chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp, nhất là mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo vào năm 2015 của chính phủ Campuchia nên dự báo nhu cầu tiêu thụ urê của nước này trong vòng 5 năm tới sẽ tăng mạnh đạt khoảng 400.000-450.000 tấn/năm do diện tích đất trồng trọt được mở rộng; số vụ canh tác tăng lên và tiếp thu kỹ thuật bón phân của nông dân làm cho việc sử dụng phân bón nhiều hơn so với giai đoạn trước đó.

Biểu đồ thị phần Đạm Cà Mau tại Tây Nam Bộ năm 2012 - 2013 và 2014.



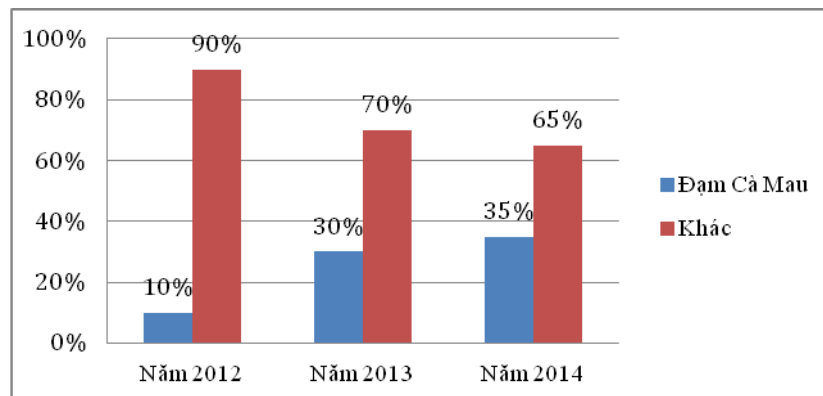
(Nguồn: PVCFC tổng hợp)

Biểu đồ thị phần Đạm Cà Mau tại Đông Nam Bộ năm 2012-2013 và 2014.



(Nguồn: PVCFC tổng hợp)

Biểu đồ thị phần Đạm Cà Mau tại Campuchia năm 2012-2013 và 2014.



(Nguồn: PVCFC tổng hợp)

7.2.4. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

So sánh kết quả kinh doanh của Công ty với một số công ty trong ngành năm 2014

Mã CP	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Tổng tài sản (triệu đồng)	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	ROA	ROE
DPM	3.800.000	8.789.197	10.110.453	9.548.850	1.135.517	10,86%	12,52%
TSC	158.129	276.814	420.021	475.225	62.289	16,57%	30,80%
NFC	104.876	210.298	322.161	682.933	36.468	11,77%	16,64%
LAS	778.320	1.496.083	2.649.916	4.985.068	438.787	16,15%	30,25%
PVCFC	4.120.034	5.545.838	16.543.606	6.044.143	820.887	5,33%	18,28%

(Nguồn: PSI tổng hợp số liệu từ HNX và HSX)

- *Về kết quả hoạt động kinh doanh*

Tuy ngành phân bón trong năm vừa qua vẫn có tăng trưởng lợi nhuận, song mức tăng trưởng đã bị chậm lại, nguyên nhân là do ở Việt Nam cung cầu phân bón đã ở thế cân bằng, phân bón Urê đã dư cung từ việc thành lập nhà máy phân bón Cà Mau và nhà máy phân bón Ninh Bình trong năm 2012, với công suất lần lượt là 800.000 tấn và 560.000 tấn một năm. Thêm vào đó, xu hướng giá phân bón thế giới giảm, giá nguyên liệu đầu vào tăng lên cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến các doanh nghiệp trong ngành phân bón.

So sánh với các doanh nghiệp khác cùng ngành, tuy năm 2012 PVCFC là giai đoạn chạy thử, đến năm 2013, 2014 mới bắt đầu hoạt động và tạo ra nhiều doanh thu, song PVCFC cũng đã có được kết quả hoạt động kinh doanh rất tốt với mức doanh thu, lợi nhuận khá cao, chỉ thua DPM. Ngoài ra, suất sinh lợi trên vốn chủ của PVCFC ở mức khá cao so với các doanh nghiệp khác cùng ngành (cụ thể là 18,28% năm 2014).

- *Về năng lực quản lý điều hành*

Cổ đông lớn cũng là công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong ngành cũng như trong quản lý, do đó, Công ty đã nhận được sự hỗ trợ quý báu về mặt tài chính, kinh nghiệm cũng như quản trị doanh nghiệp từ Công ty mẹ PVN.

- *Về loại hình kinh doanh*

Ngoài kinh doanh phân bón Urê hạt đục, hiện nay Công ty đang ngày càng đẩy mạnh việc nghiên cứu và kinh doanh các loại phân bón khác như NPK và hóa chất. Về thị trường tiêu thụ, Công ty một mặt phát triển, tăng thị phần trong nước, mặt khác đẩy mạnh thị trường xuất khẩu để đảm bảo việc tiêu thụ phân bón Urê được ổn định.

7.2.5. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Trong thời gian tới, ngoài việc tập trung vào sản xuất phân bón Urê hạt đục đáp ứng nhu cầu của nông dân ở trong nước, Công ty còn đẩy mạnh việc nghiên cứu sản phẩm mới và phát triển các thị trường xuất khẩu như Campuchia, Lào, ... Như vậy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế trong thời gian tới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm tháng 3/2015, tổng số lao động của Công ty là 845 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo phòng ban chức năng, giới tính, thời hạn hợp đồng lao động và trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

I.	Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Không ký Hợp đồng lao động (do PVN bổ nhiệm)	07	0,83%
	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	175	20,71%
	Hợp đồng lao động có thời hạn xác định 1-3 năm	628	74,32%
	Hợp đồng ngắn hạn dưới 01 năm	35	4,14%
II.	Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Trên đại học	15	1,78%
	Đại học	404	47,81%
	Cao đẳng, trung cấp	413	48,88%
	Lao động phổ thông	13	1,53%
III.	Phân theo giới tính	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Nam	725	85,80%
	Nữ	120	14,20%
	TỔNG CỘNG	845	100%

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty đều được chú ý, tuyển chọn và đào tạo đảm bảo cho sự phát triển nguồn nhân lực lâu dài của Công ty. Công ty hiện đang sử dụng chủ yếu là lao động có trình độ đại học và cao đẳng, trong đó lao động trình độ đại học chiếm 48% và lao động trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm khoảng 49% tổng số lao động.

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách đãi ngộ khác

Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với công ty, PVCFC đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:

- Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty, đảm bảo tốc độ tăng lao động thấp hơn tốc độ tăng doanh thu.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình, quy chế từ tuyển dụng - đào tạo - sử dụng - đánh giá - đãi ngộ phù hợp.
- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho CB.CNV, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và thị trường.
- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên và chế độ lương, thưởng, đãi ngộ theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với thị trường nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- Người lao động làm việc tại PVCFC được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định. Công ty ký hợp đồng mua bảo hiểm con người với Công ty cổ phần bảo hiểm dầu khí (PVI) cho CBCNV.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.
- Hàng năm công ty có tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát.

9. Chính sách cổ tức

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động SXKD trong năm tài chính sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức

trung ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo.

Tuy nhiên, do Công ty mới vừa chuyển sang công ty cổ phần vào ngày 15/1/2015, nên Công ty chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Giải trình về Báo cáo tài chính

- **Về báo cáo tài chính hợp nhất tại 14/01/2015:** PVFC không lập báo cáo hợp nhất cho giai đoạn 01/01/2015 đến 14/01/2015 là do báo cáo tài chính cho giai đoạn này là kỳ kế toán cuối cùng để cổ phần hóa Công ty mẹ thực hiện theo Quyết định số 310/QĐ – DKVN ngày 11/02/2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1/1/2014 đến 14/1/2015 là không bắt buộc.
- Ý kiến nhấn mạnh của công ty kiểm toán "... BCTC này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến việc xác định phần vốn Nhà nước": Thông thường, khi kết thúc giai đoạn là Công ty TNHH MTV và chuyển sang Công ty cổ phần, chủ sở hữu sẽ quyết toán cổ phần hóa để xác định phần vốn Nhà nước còn phải thu hồi về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Tại ngày 14/1/2015, việc xác định phần vốn Nhà nước này chưa được Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xác định và phê duyệt. Do đó, báo cáo kiểm toán có ý kiến nhấn mạnh như trên. Việc điều chỉnh (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến công nợ Công ty phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- Trang 35 mục 35: Giá khí cho năm 2014: Thực hiện Quyết định số 1107/QĐ-DKVN ngày 14/02/2015 về việc phê duyệt giá khí tạm tính cho PVCFC với giá khí là 4,06 USD/triệu BTU. Giá khí từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 14/01/2015: PVCFC áp dụng theo Nghị quyết số 8373/NQ-DKVN ngày 27 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2015 của Công ty TNHH một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau với giá khí tạm tính cho năm 2015 là 3,81 USD/MmBTU.

Giá khí trên sẽ được phê duyệt lại sau khi có văn bản hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính

➤ **Về báo cáo kiểm toán vốn tại 15/01/2015:** Hiện tại PVCFC chỉ thực hiện kiểm toán vốn điều lệ trên cơ sở Tập đoàn Dầu khí Việt Nam góp đến ngày 31/12/2014 và điều chỉnh bổ sung giá trị chênh lệch theo Quyết định Số 5963/QĐ-DKVN ngày 20/08/2014, PVCFC không phải kiểm toán nguồn vốn chủ sở hữu là do các khoản như quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, lợi nhuận chưa phân phối..., Thực hiện theo Điều 25 “Phân phối lợi nhuận” của Quy chế Tài chính số 3860/QĐ-DKVN ngày 05 tháng 5 năm 2011 về việc Phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau. Các nguồn vốn này có chuyển sang Công ty CP để sử dụng tiếp hay không là tùy thuộc vào quyết định của đơn vị chủ sở hữu (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

➤ **Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2014:**

- Tại trang 21 mục 20. Phải trả dài hạn khác: Đây là giá trị quyền sử dụng đất: Đã được tổ chức thẩm định giá là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt xác nhận tại biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 09/07/2014. Thời điểm cổ phần hóa là 01/01/2014 nên tổ chức thẩm định giá tính toán quyền sử dụng đất căn cứ Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND, ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Cà Mau về việc ban hành Quy định Bảng giá đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Cà Mau với giá trị là 33.175.238.300 đồng. Tuy nhiên hiện nay PVCFC vẫn chưa nhận được Quyết định chính thức từ UBND tỉnh Cà Mau về giá trị quyền sử dụng đất trên. Để thực hiện đúng tin thần tại Quyết định số 5963/QĐ-DKVN ngày 29/08/2014 về việc giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau của Hội đồng Thành Viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và thực hiện hoàn thành báo cáo tài chính năm 2014 đúng theo Quy định hiện hành. Tạm thời PVCFC sẽ ghi nhận giá trị này theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Quyết định số 5963/QĐ-DKVN.

PVCFC sẽ ghi nhận giá trị này sau khi có Quyết định chính thức về giá trị quyền sử dụng đất từ UBND tỉnh Cà Mau.

- Trang 34 mục 35 đoạn 1: Để hoàn thiện báo cáo tài chính năm 2014 đúng theo quy định hiện hành tạm thời PVCFC đã thực hiện theo Quyết định số 1107/QĐ-DKVN ngày 14/02/2015 về việc phê duyệt giá khí tạm tính cho PVCFC với giá khí là 4,06 USD/triệu BTU. Giá khí trên sẽ được phê duyệt lại sau khi có văn bản hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính.

- Trang 34 mục 35 đoạn 2 "... BCTC 2014 chưa bao gồm các xử lý tài chính trước khi chính thức chuyển thành CTCP": Việc xử lý tài chính tại thời điểm 31/12/2014 là không bắt buộc, mà việc xử lý tài chính trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần được thực hiện tại ngày 14/1/2015. Do đó, Công ty không phải đánh giá ảnh hưởng của xử lý tài chính này đến báo cáo tài chính năm 2014.
- Thực hiện theo Quy chế Tài chính số 3860/QĐ-DKVN ngày 05 tháng 5 năm 2011 về việc Phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính chính của Công ty TNHH 1TV Phân bón Dầu khí Cà Mau thì khoản lợi nhuận sau thuế phải chuyển hết về cho Công ty mẹ (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam). Do đó khoản tiền 280 tỷ là lợi nhuận còn lại phải chuyển về cho Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam, với khoản tiền này PVCFC hiện đang ghi nhận vào các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

10.2. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006-TC/QĐ/CĐKT ngày 20/03/2006 cho đến hết năm 2014. Bắt đầu từ ngày 1/1/2015 thì Công ty sẽ áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006-TC/QĐ/CĐKT, các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

10.2.1. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.
- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

10.2.2. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2014 là 23,59 triệu đồng/ người/ tháng, với tổng số cán bộ công nhân viên là 845 người. Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng qua các năm như sau:

Năm	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
TNBQ (triệu đồng/người/tháng)	19,74	20,92	23,59

10.2.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản công nợ như: ngân hàng, khách hàng,... luôn được Công ty quan tâm thanh toán đúng và đủ theo hợp đồng đã ký kết. Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn nào.

10.2.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định như: các loại thuế, phí và lệ phí, ... luôn được Công ty thực hiện tốt, hoàn thành nghĩa vụ của mình.

Các khoản phải nộp theo luật định của công ty mẹ

Dvt: Triệu đồng

Năm	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53	32.914
Thuế thu nhập cá nhân	1.504	727	2.862
Thuế tài nguyên	-	31	92
Thuế nhập khẩu	-	954	-
Các loại thuế khác			251
Tổng cộng	1.504	1.765	36.119

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC 2014 công ty mẹ

Các khoản phải nộp theo luật định của công ty hợp nhất

Dvt: Triệu đồng

Năm	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	126	65	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53	32.914
Thuế thu nhập cá nhân	1.510	733	2.878

Thuế tài nguyên	-	31	92
Thuế nhập khẩu	-	954	-
Thuế khác	-	-	251
Tổng cộng	1.636	1.836	36.135

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 hợp nhất và BCTC 2014 hợp nhất của PVCFC

10.2.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ qua các năm của công ty mẹ như sau :

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
1	Quỹ dự phòng tài chính	73.463	-	-
2	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	243.596
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	9.643	39.070
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26.972	25.922	27.940
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	235.727	
	Tổng Cộng	100.435	271.293	310.606

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC năm 2014 của công ty mẹ

Số dư các quỹ qua các năm của công ty hợp nhất như sau :

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
1	Quỹ dự phòng tài chính	73.463	-	346
2	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	243.942
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	9.643	39.070
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26.972	25.922	28.148
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	239.183	10.401
	Tổng Cộng	100.435	274.748	321.907

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 hợp nhất, và BCTC năm 2014 hợp nhất của PVCFC

10.2.6. Tổng dư nợ vay

Theo Quyết định số 10323/QĐ-DKVN ngày 28/12/2012 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn chấp thuận bàn giao tài sản Nhà máy Đạm Cà Mau cho Công ty, trong đó tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay là 10.506.150.141.648 VND. Chi tiết nguồn vốn vay như sau:

Chi tiết vốn vay của Công ty mẹ

Đvt: Triệu đồng

Chi tiết	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Vay và nợ ngắn hạn	-	1.369.602	1.248.874
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.369.602	1.248.874
Nhóm các NH BNP Paribas, NH XNK Trung Quốc, NH Credit Agricole (1)	-	463.540	470.140
NH TMCP Công thương Việt Nam (2)	-	431.987	454.326
NH Phát triển Việt Nam (3)	-	474.075	324.408
Vay dài hạn	-	8.568.576	6.708.759
Nhóm các NH BNP Paribas, NH XNK Trung Quốc, NH Credit Agricole (1)	-	4.171.860	3.761.120
NH TMCP Công thương Việt Nam (2)	-	2.591.820	2.271.790
NH Phát triển Việt Nam (3)	-	1.804.896	675.849

Nguồn: PVCFC (công ty mẹ)

Chi tiết vốn vay của Công ty hợp nhất

Đvt: Triệu đồng

Chi tiết	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Vay và nợ ngắn hạn	2.400	1.373.754	1.254.176
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.400	1.373.754	1.254.176
Nhóm các NH BNP Paribas, NH XNK Trung Quốc, NH Credit Agricole (1)	-	463.540	470.140
NH TMCP Công thương Việt Nam (2)	-	431.987	454.326
NH Phát triển Việt Nam (3)	-	474.075	-
NH TMCP Công thương VN – CN Bạc Liêu (4)	2.400	4.152	5.302
NH TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	324.408
1. Phải trả dài hạn khác	9.824.016	-	-
Vay dài hạn	10.506.150	-	-

Chi tiết	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Nhóm các NH BNP Paribas, NH XNK Trung Quốc, NH Credit Agricole (1)	4.582.160	-	-
NH TMCP Công thương Việt Nam (2)	3.202.564	-	-
NH Phát triển Việt Nam (3)	2.721.426	-	-
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	682.134	-	-
Nhóm các NH BNP Paribas, NH XNK Trung Quốc, NH Credit Agricole (1)	-	-	-
NH TMCP Công thương Việt Nam (2)	213.504	-	-
NH Phát triển Việt Nam (3)	468.630	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	9.824.016	-	-
3. Vay và nợ dài hạn	35.564	8.606.610	6.739.491
Vay dài hạn	37.964	9.980.364	7.993.667
Nhóm các NH BNP Paribas, NH XNK Trung Quốc, NH Credit Agricole (1)	-	4.635.400	4.231.260
NH TMCP Công thương Việt Nam (2)	-	3.023.807	2.726.116
NH Phát triển Việt Nam (3)	-	2.278.971	-
NH TMCP Công thương Việt Nam – CN Bạc Liêu (4)	37.964	42.186	36.034
NH TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	1.000.257
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	2.400	1.373.754	1.254.176
Nhóm các NH BNP Paribas, NH XNK Trung Quốc, NH Credit Agricole (1)	-	463.540	470.140
NH TMCP Công thương Việt Nam (2)	-	431.987	454.326
NH Phát triển Việt Nam (3)	-	474.075	-
NH TMCP Công thương Việt Nam – CN Bạc Liêu (4)	2.400	4.152	5.302
NH TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	324.408
Số phải trả sau 12 tháng	35.564	8.606.610	6.739.491

Nguồn: PVCFC (công ty hợp nhất)

Theo các Quyết định số 533/QĐ-DKVN và số 534/QĐ-DKVN ngày 19/01/2013 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn), từ ngày 15/01/2013, Tập đoàn chuyển giao cho công ty các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên vay (trừ việc rút vốn vay) được quy định trong các Hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty đã phân loại

lại các khoản vay từ khoản phải trả dài hạn khác số tiền 9.824.015.865.641 VND sang vay dài hạn.

Tình hình thực hiện các khoản vay:

(1) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn Tín dụng ECA giữa nhóm cho vay là các Ngân hàng BNP Parisbas, Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc và Ngân hàng Credit Agricole, nội dung chi tiết như sau:

- Số gốc vay là 220.000.000 USD, ký ngày 15/9/2011;
- Mục đích: thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau;
- Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25/07/2012;
- Lãi suất nợ trong hạn là LIBOR 6 tháng cộng 2,6%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 6 tháng 1 lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi vay trả hàng tháng trên dư nợ vay, bắt đầu trả lãi từ khi phát sinh nợ vay. Lãi vay được trả 6 tháng/lần.

(2) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số HĐTDĐT-CM/PV-VIETINBANK2009 ngày 25/9/2009 giữa bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) với chi tiết gồm:

- Gốc vay là 220.000.000 USD;
- Mục đích: thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau;
- Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 90 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ân hạn;
- Lãi suất nợ trong hạn (tính trên dư nợ trong hạn) bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 3 tháng trả lãi sau của Vietinbank cộng 2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay trong hạn cộng 1%/năm. Lãi vay trả hàng tháng trên dư nợ vay, bắt đầu trả lãi từ khi phát sinh nợ vay. Lãi vay được trả 3 tháng/lần.

(3) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2010HĐTDĐT-NHPT ngày 17/06/2010 giữa bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt

Nam với bên cho vay là Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB) với chi tiết gồm:

- Gốc vay là 180.000.000 USD;
- Mục đích: thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau;
- Thời hạn vay tối đa là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó ân hạn tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 96 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ân hạn;
- Lãi suất nợ trong hạn (tính trên dư nợ trong hạn) là 6%/năm đối với các khoản vay bằng đô la Mỹ. Tháng 5/2014, PVCFC đã trả trước hạn 45 triệu USD. Đến tháng 10/2014, PVCFC đã tái cơ cấu khoản vay này với Ngân hàng Đại chúng Việt Nam (PVCbank) với lãi suất được xác định theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 3,15%/năm. Lãi suất được trả hàng tháng trên dư nợ vay. Lãi suất được áp dụng cho năm đầu tiên là 4%/năm và được điều chỉnh hàng năm nhưng không vượt quá 5%/năm.
- Tài sản đảm bảo: Tập đoàn đã thế chấp giá trị tài sản cố định bao gồm nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị của Nhà máy Đạm Cà Mau để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng nêu trên.

Công ty đã thế chấp giá trị tài sản cố định bao gồm nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị của nhà máy Đạm Cà Mau để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng nêu trên.

(4) Khoản vay dài hạn của Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (công ty con) (PPC) bao gồm 2 khoản vay như sau:

- Tại ngày 28/01/2011, PPC ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 VND và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu”. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên – ngày 04/07/2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30/09/2012. PPC sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31/12/2013, PPC đã rút vốn với số tiền là 39.471.053.491 VND.

Tại ngày 20/06/2013, PPC ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bạc Liêu với số tiền vay là 3.500.000.000 VND và tổng dư nợ cho vay của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất cứ thời điểm nào không được vượt quá 44.811.053.491 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung, mua sắm tài sản cố định, thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. PPC sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31/12/2013, PPC đã rút vốn với số tiền là 2.714.768.749 VND.

10.2.7. Tình hình công nợ hiện nay

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 2014

➤ Các khoản phải thu:

Các khoản phải thu của công ty mẹ

Dvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
1	Phải thu của khách hàng	7.106	8.416	9.934
2	Trả trước cho người bán	2.779	8.585	17.219
3	Các khoản phải thu khác	1.886	26.166	59.728
	Tổng Cộng	11.771	43.167	86.881

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC năm 2014 công ty mẹ

Các khoản phải thu theo báo cáo hợp nhất

Dvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
1	Phải thu của khách hàng	7.106	8.575	11.017
2	Trả trước cho người bán	2.930	8.585	17.385
3	Các khoản phải thu khác	1.886	26.166	59.728
	Tổng Cộng	11.922	43.326	88.130

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 hợp nhất, và BCTC năm 2014 hợp nhất của PVCFC
 Tổng các khoản phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với tổng tài sản: năm 2012 chiếm 0,08%, năm 2013 chiếm 0,3% và năm 2014 chiếm 0,53% (theo số liệu BCTC hợp nhất).

Đối với các khoản phải thu từ khách hàng: Công ty áp dụng chính sách thu tiền trước khi nhận hàng nên không có nợ phải thu quá hạn. Khoản nợ phải thu từ khách hàng chủ yếu là do cuối năm đơn vị xuất hóa đơn cho các đơn vị đã đăng ký mua để chốt doanh thu. Các khoản này đều được thanh toán trong tháng 1 của năm tiếp theo.

Trả trước cho người bán: đây chủ yếu là các khoản tạm ứng theo quy định của Hợp đồng và đều được Công ty yêu cầu ngân hàng bảo lãnh do đó khả năng thu hồi rất cao và hầu như không có rủi ro.

Các khoản phải thu khác: bao gồm khoản phải thu của Ban Quản lý Dự án Khí điện Đạm và lãi tiền gửi chưa đến kỳ thanh toán của Ngân hàng chốt đến thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản này đều có thể thu hồi và cũng không có rủi ro:

Nội dung	31/12/2013	31/12/2014
Hỗ trợ vốn cho Ban quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau của Tập đoàn	19.718	19.718
Lãi tiền gửi Ngân hàng dự thu, phải thu khác	6.448	40.011
Tổng cộng	26.166	59.728

➤ **Các khoản phải trả:**

Các khoản phải trả của công ty mẹ

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
I.	Nợ ngắn hạn	1.737.339	2.202.989	4.108.179
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	1.369.602	1.248.874
2	Phải trả người bán	286.764	388.835	278.997
3	Người mua trả tiền trước	6.318	71.835	123.667
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.504	1.765	36.119
5	Phải trả người lao động	29.301	55.700	110.434
6	Chi phí phải trả	285.032	82.637	261.754
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.101.448	206.693	2.020.394
8	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	26.972	25.922	27.940
II.	Nợ dài hạn	9.824.016	8.578.219	6.834.266
1	Phải trả dài hạn khác	9.824.016	-	33.175

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
2	Vay và nợ dài hạn	-	8.568.576	6.708.759
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	9.643	39.070
	Tổng Cộng	11.561.355	10.781.208	10.942.444

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC năm 2014 của công ty mẹ

Các khoản phải trả theo báo cáo hợp nhất

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
I.	Nợ ngắn hạn	1.743.156	2.202.136	4.113.821
1	Vay và nợ ngắn hạn	2.400	1.373.754	1.254.176
2	Phải trả người bán	288.698	380.545	276.319
3	Người mua trả tiền trước	6.318	71.856	123.667
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.636	1.836	36.135
5	Phải trả người lao động	30.240	58.304	112.841
6	Chi phí phải trả	2.585	82.997	262.015
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.384.307	206.921	2.020.520
8	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	26.972	25.923	28.148
II.	Nợ dài hạn	9.859.580	8.616.252	6.864.998
1	Phải trả dài hạn khác	9.824.016	-	33.175
2	Vay và nợ dài hạn	35.564	8.606.610	6.739.491
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.643	39.070
	Tổng Cộng	11.602.736	10.818.388	10.978.819

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 hợp nhất, và BCTC năm 2014 hợp nhất của PVCFC

10.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2012, 2013 và 2014 của công ty mẹ

Stt	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ NH	1,26	1,32	1,30
2	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ NH	1,14	1,13	1,25

Stt	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
II. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	78%	76%	66%
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3,53	3,14	1,98
III. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho GVHB/HTK bình quân	27,11	15,97	14,39
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản BQ	55%	43%	39%
IV. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	18,07%	8,39%	13,45%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	44,53%	15,67%	18,10%
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản BQ	9,91%	3,62%	5,29%
4	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	18%	8%	13%

Nguồn: Tính toán từ BCTC công ty mẹ

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2012, 2013 và 2014 của báo cáo hợp nhất

Stt	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ NH	1,26	1,32	1,31
2	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ NH	1,13	1,13	1,25
II. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	78%	76%	66%
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3,55	3,15	1,98
III. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho GVHB/HTK bình quân	26,54	15,58	13,97
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản BQ	27%	43%	39%
IV. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				

Stt	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	18,07%	8,49%	13,58%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	44,53%	15,85%	18,28%
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản BQ	9,87%	3,65%	5,33%
4	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	18%	8%	13%

Nguồn: Tính toán từ BCTC công ty hợp nhất

Qua các chỉ số tài chính đã được tính như trên, có thể cho ta thấy bức tranh tổng quát về tình hình tài chính của PVCFC như sau:

Khả năng thanh toán của doanh nghiệp là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh năng lực tài chính mà doanh nghiệp có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ. Các hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của PVCFC được duy trì khá cao và lớn hơn 1, đảm bảo yêu cầu doanh nghiệp hoàn thành được nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.

Các khoản vay của Công ty chủ yếu là vay dài hạn để đầu tư dự án nhà máy Đạm Cà Mau. Các khoản vay ngắn hạn là do vay dài hạn đến hạn thanh toán chuyển sang. Năm 2012, hệ số nợ trên tổng tài sản của đơn vị là 78%. Đến cuối năm 2014, đơn vị đã thanh toán được một phần nợ gốc theo lịch trả nợ và tỷ số này giảm xuống còn 66%. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng giảm dần theo thời gian, năm 2012 hệ số này là 3,55 lần, năm 2013 giảm xuống còn 3,15 lần và tại thời điểm cuối năm 2014, hệ số này chỉ còn 1,98 lần. Trong thời gian tới, Công ty vẫn tiếp tục đảm bảo thanh toán các khoản vay khi đến hạn, các chỉ số hệ số nợ/tổng tài sản, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu sẽ tiếp tục giảm.

Hàng tồn kho của Công ty được luân chuyển và quản lý tương đối tốt, trung bình phân bón tồn tại kho khoảng 14 đến 26 ngày.

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tốt nên hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu khá cao, cụ thể là 44,53% trong năm 2012, 15,85% trong năm 2013, và tăng lên 18,28% trong năm 2014. Trong năm 2013, hệ số này tuy có giảm, nhưng vẫn duy trì ở mức cao so với các công ty khác trong cùng ngành.

11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát

11.1. Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Đức Thành	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Minh Tiến	Ủy viên HĐQT
3	Trần Mỹ	Ủy viên HĐQT
4	Trần Chí Nguyễn	Ủy viên HĐQT
5	Trần Thị Bình	Ủy viên HĐQT
Ban Tổng Giám đốc		
1	Bùi Minh Tiến	Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
3	Văn Tiến Thanh	Phó Tổng Giám đốc
4	Hoàng Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Ngọc Minh Trí	Kế toán trưởng

11.1.1. Chủ tịch HĐQT – NGUYỄN ĐỨC THÀNH:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/08/1958
- Nơi sinh: Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: A4/1 Trần Khắc Chung, P7, Tp Vũng Tàu, BRVT
- Số điện thoại liên lạc: 0903803686
- Số CMND: 273510318. Nơi cấp: CA. BRVT. Ngày cấp: 3/11/2009
- Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sĩ Khoa học Công nghệ
 - Kỹ sư Xây dựng
 - Cử nhân Quản lý Công nghiệp.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1981-1984	Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu	Chuyên viên
1984-1994	Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu	Đội trưởng Đội xây dựng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994-2000	Công ty Khí đốt – nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam – PV GAS	Phó Giám đốc
2000-2001	Tổng kho Khí hóa Lông – LPG Hải Phòng	Trưởng ban Quản lý Dự án
2001-2007	Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau – CPMB	Phó ban Quản lý
2007-2008	Dự án điện lực Dầu khí Nhơn Trạch – Đồng Nai	Trưởng ban Quản lý
2008-2009	Công ty Tư vấn Dự án Điện lực dầu khí 2	Chủ tịch kiêm Giám đốc
2009-2011	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.	Phó Tổng Giám đốc
2011- 14/01/2015	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ tịch Hội đồng thành viên

- Quá trình công tác:
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 8.100 cổ phần, chiếm 0,0015 % vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: 135.323.057 cổ phần, chiếm 25,56% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

11.1.2. Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – BÙI MINH TIẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/02/1969
- Nơi sinh: Đông Hưng, Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 04-ngách 5 ngõ 132 tổ 17A, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội

- Số điện thoại liên lạc: 0903804305
- Số CMND: 012515836. Nơi cấp: CA. Hà Nội. Ngày cấp: 8/8/2002
- Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 - Cử nhân Kinh tế ngành Quản trị Kinh doanh
 - Cử nhân Khoa học ngành Vật lý
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1991-1995	Xí nghiệp Liên hợp Xây Lắp Dầu khí (nay là Tổng công ty Xây lắp Dầu khí)	Chuyên viên phòng Kinh tế - Kỹ thuật
1995-1996	Xí nghiệp Thiết kế, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (nay là Tổng công ty Xây lắp Dầu khí)	Phó phòng Tổ chức - Hành chính
1996-1998	Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	Thư ký Phó Tổng Giám đốc
1998-2002	Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí	Trưởng phòng Kế hoạch - Thương mại
2002-2011	Tổng công ty Khí Việt Nam	Phó phòng kinh doanh, Trưởng phòng kinh doanh (từ 2003) và Phó Tổng Giám đốc (từ 2007)
1/2011-12/2013	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo)	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2013 - 14/01/2015	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 52.000 cổ phần, chiếm 0,0098% vốn điều lệ

- + Sở hữu đại diện cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: 105.880.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.1.3. Ủy viên HĐQT – TRẦN MỸ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/10/1962
- Nơi sinh: Đại Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khu phố 4, Phú Bài, Hương Thủy, Thừa Thiên – Huế
- Số điện thoại liên lạc: 0919178022
- Số CMND: 191883889. Nơi cấp: Thừa Thiên - Huế. Ngày cấp: 21/7/2011
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Công nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng quản trị (chuyên trách)
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1985-11/1986	Sở Công nghiệp Gialai – Kontum	Chuyên viên phòng KTKH
12/1986-01/1988	Xí nghiệp Cơ khí Tân Cảnh – Sở Công nghiệp	Trưởng phòng Kinh doanh
02/1988-12/1989	Công ty Dầu thực vật tỉnh Gialai – Kontum – Sở công nghiệp	Phụ trách phòng kinh doanh kiêm quản đốc phân xưởng

		nguyên liệu.
01/1990- 3/1993	Xí nghiệp In Gialai	Chuyên viên phòng kế toán
4/1993- 10/2004	Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Ialy	Chuyên viên phòng Tài chính
11/2004- 9/2006	Ban QLDA Nhà máy thủy điện Hương Điền – TT Huế	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kinh tế tài chính.
10/2006- 4/2011	Ban QLDA Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau	Chuyên viên, Phó trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch
4/2011- 14/01/2015	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tur (đến 01/2012) Trưởng Ban Kế hoạch - Đầu tur (Từ 02/2012)

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 2.900 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 79.410.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.
- + Những người có liên quan: 1.700 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ.

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Võ Thị Ngọc Châu	Vợ	1.700	0,0003%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.1.4. Ủy viên HĐQT – TRẦN CHÍ NGUYỄN:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/09/1975

- Nơi sinh: Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khóm 8, Phường 5, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại liên lạc: 0948575999
- Số CMND: 380879651. Nơi cấp: CA. Cà Mau. Ngày cấp: 12/3/2004
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán
 - Cử nhân Luật
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Ủy viên Hội đồng quản trị** (chuyên trách)
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998-2008	Phòng Tài chính Kế toán, Bưu điện tỉnh Cà Mau	Kế toán
2008-2009	Phòng Tài chính Kế toán Ban Quản lý Dự án Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Chuyên viên
2010-2011	Tài chính Kế toán Ban Quản lý Dự án Cụm Khí Điện - Đạm Cà Mau	Phó Trưởng phòng
2011- 14/01/2015	Công Ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Kiểm soát viên chính

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: 79.410.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.

+ Những người có liên quan: 10.000 cổ phần, chiếm 0,0018% vốn điều lệ.

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Kim Phượng	Vợ	10.000	0,0018%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.1.5. Ủy viên HĐQT – TRẦN THỊ BÌNH

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/07/1958
- Nơi sinh: Quỳnh Lập – Quỳnh Lưu – Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Nhà 44 ngõ 291 Lạc Long Quân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913201351
- Số CMND: 011689389. Nơi cấp: CA. Hà Nội. Ngày cấp: 21/7/2007
- Trình độ chuyên môn:
 - Kỹ sư Công nghệ chế biến dầu khí
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1982- 1/1995	Trung tâm thông tin lưu trữ	Chuyên viên
2/1995- 1/2004	Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Phòng Kế hoạch
2/2004-	Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban

8/2006		Chế biến Dầu khí
9/2006- 7/2013	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
8/2013 – 1/3/2015	Nghỉ hưu	

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần, chiếm 0,0189% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.2.1. Tổng Giám đốc – BÙI MINH TIẾN

Thông tin như trên tại phần 11.1.3

11.2.2. Phó Tổng Giám đốc – NGUYỄN ĐỨC HẠNH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/10/1973
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 334/36B/4 khu phố 6, Phan Văn Trị, P11, Quận Bình Thạnh TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0913 988 073
- Số CMND: 142199379. Nơi cấp: CA Hải Dương. Ngày cấp: 28/2/2002

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế năng lượng
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí (PPC)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995-1998	Tham gia lao động sản xuất tại địa phương	
1998-1999	Khoa Hành chính Doanh nghiệp – Học viện Hành chính Quốc gia	Trợ giảng
1999-2004	Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật, Phòng Dự toán – Thanh toán
2004-2005	Ban Quản lý Dự án cụm Khí Điện Đạm Cà Mau	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch
2005-2007	Ban Quản lý Dự án cụm Khí Điện Đạm Cà Mau	Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch
2007-2012	Ban Quản lý Dự án cụm Khí Điện Đạm Cà Mau	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch
1/2012- 14/01/2015	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Phó Giám đốc
12/2012 – nay	Công ty Cổ phần bao bì Dầu khí Việt Nam	kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 53.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.2.3. Phó Tổng Giám đốc – VĂN TIẾN THANH:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 09/07/1968
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 7.7 Lô A chung cư 280/29 Bùi Hữu Nghĩa, P2 Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0918393829
- Số CMND: 022925339. Nơi cấp: CA TP HCM. Ngày cấp: 1/9/2008
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí Nông Lâm
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994-1998	Làm việc tại Công ty TNHH XD Công nghiệp Tấn Phát, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	
1998-1/2001	Làm việc tại Xí nghiệp thiết kế thuộc Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí (PVICCC)	
1/2001-4/2001	Làm việc tại Công ty TNHH Dịch vụ Công nông nghiệp MM, Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh	
4/2001-2005	Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kỹ thuật

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005-2006	Dự án Đạm, Ban Quản lý Dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau	Phó trưởng phòng
2007-2008	Tổng công ty Phân bón Hóa chất Dầu khí.	Phó Ban chuyên trách Ban chuẩn bị đầu tư dự án Maroc
2008-2011	Ban Quản lý Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Phó trưởng Ban
2011-14/01/2015	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau; Ban Quản lý Dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Phó Giám đốc kiêm Phó trưởng ban

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần, chiếm 0,0057% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan: 300 cổ phần, chiếm 0,0001% vốn điều lệ.

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Thị Song Yên	Vợ	300	0,0001%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.2.4. Phó Tổng Giám đốc – HOÀNG TRỌNG DŨNG:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/09/1973
- Nơi sinh: H. Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Nhà 31, Đường 20, Trần Nãi, Quận 2,

TP.HCM

- Số điện thoại liên lạc: 0982 734676
- Số CMND: 024369252. Nơi cấp: CA Tp HCM. Ngày cấp: 5/4/2005
- Trình độ chuyên môn:
 - Kỹ sư Công nghệ Hóa
 - Sau đại học Quản lý Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997- 2001	Công ty chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí	Kỹ sư vận hành, Trưởng ca Vận hành, Thư ký Phó Tổng Giám đốc
05/2001- 12/2005	Ban QLDA Đạm Phú Mỹ	Tổ trưởng Tổ Công nghệ, Phó phòng phụ trách phòng Nghiệm thu chạy thử
12/2005- 2/2008	Ban Chế biến Dầu khí – Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Chuyên viên
2/2008- 3/2011	QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau, UVBCH Đảng bộ Ban QLDA	Phó Trưởng ban
3/2011- 14/01/2015	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau; QLDA cụm Khí Điện Đạm Cà Mau	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Trưởng ban

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 31.600 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.2.5. Kế toán trưởng – LÊ NGỌC MINH TRÍ:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/10/1970
- Nơi sinh: Vũng Tàu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 103/7/29 Đường 20, P. Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0903 632 633
- Số CMND/Hộ chiếu: B8266266. Nơi cấp: Cục QL XN cảnh. Ngày cấp: 26/7/2013
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán các doanh nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995-1997	Tổng Công ty Du lịch dịch vụ Dầu khí Việt Nam tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán
1998-2001	Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí tại Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán
2001-2006	Ban QLDA Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau	Kế toán
2006-2011	Ban Quản lý Dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau	Kế toán trưởng
2011-	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau; Ban Quản lý Dự án Khí – Điện – Đạm Cà	Kế toán trưởng kiêm Kế toán trưởng ban

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
14/01/2015	Mau	QLDA

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.2. Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Thị Cẩm Hương	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thanh Hào	Thành viên Ban kiểm soát
3	Lâm Văn Chí	Thành viên Ban kiểm soát

11.2.1. Trưởng Ban kiểm soát – PHAN THỊ CẨM HƯƠNG:

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/05/1977
- Nơi sinh: Tiền Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã Đình Đông, Thị xã Gò Công, Tiền Giang
- Số điện thoại liên lạc: 0918502109
- Số CMND: 311491111. Nơi cấp: CA Tiền Giang. Ngày cấp: 12/11/2014
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Nhà nước

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 – 6/2003	Công ty TNHH sản xuất thương mại Thiên Thanh	Kế toán
7/2003 – 4/2010	Công ty TNHH sản xuất thương mại Thiên Thanh	Kế toán trưởng
6/2010 – 11/2011	Công ty TNHH Tân Thành Phú Mỹ Việt Nam	Kế toán trưởng
11/2011 – 1/2013	Ban TCKT, Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Kế toán tổng hợp
1/2013 – 14/1/2015	Ban TCKT, Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	P. Phòng kế toán

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 200 cổ phần, chiếm 0,00004% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan: 90.119 cổ phần, chiếm 0,017% vốn điều lệ

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đặng Hoàng Quân	Chồng	90.119	0,017%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.2.2. Thành viên Ban kiểm soát – NGUYỄN THANH HÀO:

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 25/02/1979
- Nơi sinh: Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 65/16 D Trần Hưng Đạo, P An Cư, Q. Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
- Số điện thoại liên lạc: 0908070307
- Số CMND: 362373410. Nơi cấp:CA Cần Thơ. Ngày cấp: 11/12/2014
- Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 - Cử nhân Kế toán tổng hợp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2001-3/2004	Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	Cán bộ tín dụng
4/2004-6/2007	Phòng Giao dịch Ninh Kiều – BIDV chi nhánh Cần Thơ	Nhân viên tín dụng
07/2007-12/2008	Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ	Trưởng phòng tín dụng
12/2008-01/2010	Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ	Phó Giám đốc
01/2010-10/2013	Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ	Giám đốc
10/2013-06/2014	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ	Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.2.3. Thành viên Ban kiểm soát – LÂM VĂN CHÍ:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/11/1975
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 005LB, Khu nhà Công vụ Khí Điện Đạm Cà Mau - PVCFC, Lô D, KCN, Phường 1, Đường Ngô Quyền, Tp. Cà Mau
- Số điện thoại liên lạc: 0913 780 618
- Số CMND: 381859336. Nơi cấp: CA Cà Mau. Ngày cấp: 03/07/2014
- Trình độ chuyên môn:
 - Kỹ sư Xây dựng công trình nông thôn
 - Cử nhân Cao đẳng Công nghệ thông tin
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm)
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/2000-3/2002	Ban QLDA Khu vực - Sở Xây dựng Cà Mau	Chuyên viên
4/2002-7/2005	Ban QLDA Khu vực - Sở Xây dựng Cà Mau, Trưởng ban Kiểm tra Công đoàn Ban QLDA	Chuyên viên
8/2005- 7/2006	Ban QLDA Khu vực - Sở xây dựng Cà Mau, Trưởng ban Kiểm tra Công đoàn Ban QLDA	Phó Trưởng phòng Tư vấn
8/2006-11/2007	Phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban QLDA cụm Khí Điện Đạm Cà Mau	Chuyên viên
11/2007- 07/2008	Phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban QLDA cụm Khí Điện Đạm Cà Mau	Tổ trưởng hạ tầng
8/2008-07/2012	Đảng ủy Ban QLDA cụm Khí Điện Đạm Cà Mau; Phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban QLDA cụm Khí Điện Đạm Cà Mau	Phó Chủ nhiệm kiểm tra đảng, Tổ trưởng hạ tầng
08/2012- 09/2013	Đảng ủy Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu Khí Cà Mau; Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu Khí Cà Mau	Phó Chủ nhiệm kiểm tra đảng; Chuyên viên Ban KH-ĐT
10/2013- 14/01/2015	Đảng ủy Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu Khí Cà Mau; Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu Khí Cà Mau.	Phó Chủ nhiệm kiểm tra đảng; Trưởng phòng Đầu tư xây dựng, Ban KH – ĐT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 1.400 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan: 1.400 cổ phần, chiếm 0,00026% vốn điều lệ

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tô Hồng Ánh	Vợ	1.400	0,00026%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ năm 2012, 2013 và 2014 như sau:

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012		31/12/2013		31/12/2014	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	13.348.710	12.435.286	13.380.972	11.145.960	13.472.708	10.858.247
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.117.568	2.906.951	3.139.236	2.636.144	3.116.305	2.360.540
2	Phương tiện vận tải	18.246	13.565	19.251	10.448	39.716	24.072
3	Máy móc, thiết bị	10.167.562	9.469.884	10.174.654	8.459.386	10.219.864	8.404.498
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	32.531	32.124	32.035	26.678	38.133	24.990
5	Tài sản khác	12.804	12.762	15.796	13.304	58.689	44.147
II	Tài sản cố định vô hình	814	653	770	411	45.156	44.468
1	Bản quyền, bằng sáng chế	151	122	80	48		
2	Phần mềm máy tính	663	532	690	363	11.980	11.292
3	Quyền sử dụng đất	-	-	-	-	33.175	33.175
	Tổng cộng	13.349.524	12.435.939	13.381.742	11.146.371	13.517.863	10.902.715

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC năm 2014 của công ty mẹ

Giá trị TSCĐ của công ty sau hợp nhất

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012		31/12/2013		31/12/2014	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	13.416.065	12.496.159	13.452.495	11.205.627	13.545.040	10.912.912
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.153.046	2.940.063	3.174.714	2.667.256	3.152.237	2.390.086

Stt	Khoản mục	31/12/2012		31/12/2013		31/12/2014	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2	Phương tiện vận tải	20.816	15.637	22.024	12.392	42.490	25.669
3	Máy móc, thiết bị	10.196.612	9.495.441	10.207.854	8.485.963	10.253.419	8.428.000
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	32.787	32.256	32.107	26.712	38.206	25.010
5	Tài sản khác	12.804	12.762	15.796	13.304	58.689	44.147
II	Tài sản cố định vô hình	827	662	770	411	45.156	44.468
1	Bản quyền, bằng sáng chế	151	122	80	48		
2	Phần mềm máy tính	676	541	690	363	11.980	11.292
3	Tài sản vô hình khác	-	-	-	-	33.175	33.175
	Tổng cộng	13.416.892	12.496.821	13.453.265	11.206.038	13.590.196	10.957.380

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 hợp nhất và BCTC năm 2014 hợp nhất của PVCFC

Theo Quyết định số 1989/QĐ-DKVN ngày 25/3/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “Nhà máy sản xuất phân đạm Cà Mau”, Công ty mẹ nhận bàn giao tài sản cố định Nhà máy Đạm Cà Mau với số tiền là 13.398.694.377.819 VND. Công ty mẹ thực hiện điều chỉnh nguyên giá tạm tính thành giá trị quyết toán nêu trên và ghi nhận chi phí khấu hao tương ứng vào chi phí trong kỳ.

Công ty mẹ sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Đạm Cà Mau” để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng (Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và nhóm các ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, Ngân hàng Credit Agricole. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31/12/2014 là 9.882.830.662.164 (ngày 31/12/2013 là 11.100.209.967.452 VND).

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 6.545.876.347 VND (tại ngày 31/12/2013 là 2.015.840.949 VND).

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (Công ty con) sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Bao bì Bạc Liêu” để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31/12/2014 là

54.664.923.900 (tại ngày 31/12/2013 là 59.666.744.488 VND).

➤ **CHI TIẾT VỀ TÀI SẢN LÀ ĐẤT ĐAI VÀ BẤT ĐỘNG SẢN**

STT	Tên dự án	Diện tích (m2)	Địa điểm	Tình trạng giấy tờ đất /Dự kiến làm thủ tục về đất
1	Khu đất xây dựng nhà máy Đạm	592.249,9	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 21/7/2011
2	Khu Cảng Đạm Cà Mau	132.152,8	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 06/2/2012
3	Khu nhà ở giai đoạn 3	104.292,5	Lô D, khu công nghiệp phường 1, Ngõ Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau giao đất có thu tiền sử dụng đất (thời hạn 20 năm) sử dụng làm đất ở tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 04/6/2014; Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 06/6/2014
4	Khu đất trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	13.966,1	Lô D, khu công nghiệp phường 1, đường Ngõ Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau cấp cho Công ty thuê sử dụng làm trụ sở Công ty tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 04/6/2014
5	Khu đất mở rộng Khu công nghiệp Khí – Điện – Đạm	152.106	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Đất được UBND tỉnh Cà Mau cấp cho Công ty thuê sử dụng làm trụ sở Công ty tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 04/6/2014
	Tổng diện tích	994.767,30		

Nguồn: PVCFC theo báo cáo hợp nhất

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

🌈 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến trong năm tiếp theo:

Dựa vào kế hoạch đầu tư xây dựng, định hướng phát triển của PVCFC cho giai đoạn 2014 – 2015, PVCFC đặt cho mình kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến

năm sau như sau:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015 (kế hoạch)	
	Kế hoạch	Thực hiện	Giá trị	% tăng giảm so với KH 2014
	Giá trị	Giá trị		
Doanh thu thuần	5.603	6.044	5.583	-0,36%
Lợi nhuận trước thuế	659	856	662	0,46%
Vốn điều lệ	4120	4.120	5.294	29%
Tỉ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	11,76%	14,16%	11,85%	0,09%
Tỉ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	16,00%	20,77%	12,50%	-3,5%
Tỷ lệ cổ tức			8%	

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã kiểm toán của PVCFC (công ty hợp nhất)

(*) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/01/2015. Công ty đặt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong năm 2015 tương đương kế hoạch năm 2014 (giảm nhẹ và hầu như không đáng kể) nhưng thấp hơn nhiều so với thực hiện năm 2014, nguyên nhân là do năm 2015, PVCFC mới vừa chuyển sang công ty cổ phần nên cũng rất thận trọng trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Mặt khác, giá Urê thực tế bán ra cũng như theo dự báo của Fetercon đang trên đà giảm, lượng cung phân bón trong nước đang ngày càng vượt cầu. .

13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến cho năm sau, Công ty đã xác định được kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho năm sau như sau:

ĐVT: tấn

STT	Nội dung	Năm 2015
I	Sản xuất	
1	Các loại phân bón (Phân Urê, phân hữu cơ vi sinh, phân bón phức hợp,...)	782.000
II	Tiêu thụ	
1	Các loại phân bón (Phân Urê, phân hữu cơ vi sinh, phân bón phức hợp,...)	782.000

2	Phân bón tự doanh (gồm NPK, SA, Kali)	15.000
---	---------------------------------------	--------

- Về khối lượng sản xuất, kể từ khi Nhà máy chính thức đi vào hoạt động ổn định, PVCFC sẽ khai thác tối đa công suất của Nhà máy để đảm bảo cung cấp Urê hạt đục thân thiện với nông dân.
- Về khối lượng tiêu thụ: căn cứ vào những hợp đồng nguyên tắc đã được ký kết với khách hàng năm 2015; năng lực sản xuất thực tế của Nhà máy Đạm Cà Mau và tình hình cung cầu, mùa vụ, diễn biến giá cả trong nước và thế giới, PVCFC sẽ tổ chức phân phối, tiêu thụ sản phẩm phù hợp, bảo đảm hiệu quả kinh doanh của đơn vị.
- Theo dự báo giá Urê thế giới, Công ty cũng đã có những dự báo về giá phân Urê hạt đục trong năm 2015 như sau:

Năm	2015
Dự báo giá bán Urê hạt đục của PVCFC (USD/tấn)	320

Nguồn: Fertecon

- Mặt khác, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã đảm bảo về giá khí cho PVCFC giai đoạn 2015 - 2018 để Công ty có tỷ suất lợi nhuận trên Vốn Chủ sở hữu bình quân là 12%/năm từ hoạt động SXKD phân bón (thông qua Hợp đồng mua bán khí). Như vậy, Tập đoàn Dầu khí sẽ điều chỉnh giá khí đầu vào phù hợp để biên lợi nhuận của PVCFC đảm bảo tỷ suất 12%/vốn chủ sở hữu.

13.2. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua:

Từ năm 2015, dự án Mái che, ERP và Nhà kho chứa Urê bao 10.000 tấn vẫn tiếp tục triển khai và hoàn thành trong năm 2015, cụ thể:

Dự án Mái che cảng xuất sản phẩm:

- Đề chủ động trong quá trình khai thác và xuất sản phẩm qua Khu cảng, hạn chế được các yếu tố của thời tiết chủ yếu là do mưa gây ra làm ảnh hưởng đến việc xuất sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau, từ đó làm tăng thời gian hoạt động và đảm bảo an toàn sản xuất cho khu Cảng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2014 PVCFC đã triển khai đầu tư Mái che tại Cảng xuất Đạm với diện tích xây dựng công trình 8.400 m², hiện nay công trình đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng ngày 5/2/2015.

Dự án ERP:

- Với nhận thức ngay từ ngày đầu thành lập Công ty, mô hình quản lý được tổ chức theo hướng tinh gọn và chuyên nghiệp, áp dụng dụng các mô hình quản trị tiên tiến dựa trên nền tảng công nghệ thông tin trong đó có hệ thống quản trị ERP.
- ERP giúp các nhà quản lý dễ dàng tiếp cận các thông tin quản trị đáng tin cậy để có thể đưa ra các quyết định dựa trên cơ sở có đầy đủ thông tin. Nếu không có hệ thống ERP, một cán bộ quản lý cấp cao phải dựa vào nhiều nguồn để có được thông tin cần thiết dùng cho việc phân tích tình hình tài chính và hoạt động của công ty. Với hệ thống ERP, điều này có thể được thực hiện một cách dễ dàng bằng cách sử dụng một phần mềm ứng dụng và trong thời gian ngắn có thể. Ngoài ra, hệ thống ERP tập trung các dữ liệu từ mỗi phân hệ vào một cơ sở quản lý dữ liệu chung giúp cho các phân hệ riêng biệt có thể chia sẻ thông tin với nhau một cách dễ dàng. Hơn nữa, hệ thống ERP không chỉ thu thập và xử lý khối lượng lớn các giao dịch hàng ngày, mà còn nhanh chóng lập ra các phân tích phức tạp và các báo cáo đa dạng.
- Từ trước đến nay, mô hình quản lý vẫn theo lối truyền thống, mối quan hệ giữa các bộ phận rời rạc dẫn đến việc xử lý công việc hàng ngày không kịp thời, kém hiệu quả và tốn nhiều thời gian. Do vậy, trong năm 2014 lãnh đạo Công ty đã quyết liệt trong việc triển khai hệ thống thông qua việc thành lập Ban ERP để đảm bảo dự án triển khai thành công. Đến tháng 3/2015 dự án đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu triển khai và nhà thầu tư vấn giám sát. Hoàn thành toàn bộ việc triển khai hệ thống ERP vào cuối năm 2015.

Dự án nhà kho chứa Urê bao 10.000 tấn.

- Xuất phát từ thực trạng của Nhà máy và quá trình kinh doanh từ năm 2012 đến nay, việc nâng cao năng lực tồn trữ sản phẩm tại Nhà máy đảm bảo cho Công ty chủ động trong việc kinh doanh và tiết kiệm được nhiều chi phí. Bên cạnh đó tận dụng khả năng xuất hàng nhanh và hiệu quả của các shiploader hiện có tại Cảng Khí Điện Đạm nên việc đầu tư dự án là cần thiết.
- Thực tế trong năm 2013, vào thời điểm thấp vụ, để đảm bảo công tác vận hành sản xuất ổn định và an toàn, ngoài việc gửi hàng đi đến kho các vùng miền, tại nhà máy cũng đã xếp các bao theo chất lớp thành cây. Chi phí logistic đã tăng lên do chi phí thuê kho, chi phí vận chuyển ... chưa nói đến đó là chất lượng sản phẩm phải bị giảm và chuyển loại do bảo quản không tốt, không đúng quy trình.

- Do vậy, với đặc tính của sản phẩm đáp ứng theo mùa vụ và chất lượng sản phẩm không phải bị ảnh hưởng, việc đầu tư dự án này sẽ giải quyết được một phần khó khăn trong thời gian qua. Hiện đang triển khai thi san lấp mặt bằng và lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp vào tháng 4/2015, dự kiến hoàn thành dự án vào cuối năm 2015.

Đầu tư phát triển Nhà máy Đạm Cà Mau:

Đầu tư phát triển nhà máy Đạm Cà Mau để đa dạng hóa sản phẩm (phân urê, đa lượng, phân bón vi sinh); mở rộng công suất phân xưởng NH₃, sản xuất hóa chất phục vụ nông nghiệp từ dẫn xuất hóa dầu (Thuốc bảo vệ thực vật; Chất điều hòa tăng trưởng), hóa phẩm từ sản phẩm nông nghiệp kết hợp với nhà máy sản xuất Methanol quy mô lớn từ khí Lô B, các nhà máy sản xuất dẫn xuất của NH₃ và Methanol, dẫn xuất của MAs.

Định hướng đầu tư phát triển cụm miền Tây Nam Bộ dựa trên các lợi thế cạnh tranh về:

- Nguyên liệu: khí lô B có trữ lượng tương đối cao và hàm lượng CO₂ khoảng 25%kl phù hợp để sản xuất Methanol, than bùn với trữ lượng lớn, sản phẩm nông nghiệp có thể sử dụng để sản xuất hóa phẩm;
- Thị trường: gần vựa lúa lớn nhất nước nơi tiêu thụ nhiều sản phẩm hóa chất phục vụ nông nghiệp;
- Cơ sở hạ tầng: đã được đầu tư tại Cà Mau, phân xưởng NH₃ có thể mở rộng, có diện tích đất lớn có thể sử dụng, có quy hoạch cảng quốc tế Hòn Khoai;
- Nhân sự: đã có kinh nghiệm vận hành nhà máy sản xuất NH₃ từ khí và nhà máy sản xuất Urê.

Từ những định hướng trên, để gia tăng tốc độ phát triển của Công ty cũng như phù hợp với Chiến lược phát triển của Công ty trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hoá chất dầukhí, PVCFC và xem xét nghiên cứu đầu tư giai đoạn 2015 – 2018 triển khai các dự án nhà máy sản xuất các sản phẩm hoá dầu như sau:

TT	Tên dự án	Quy mô dự án
I	Dự án chuyển tiếp	
1	Dự án nhà kho chứa Urê bao	10.000 tấn

TT	Tên dự án	Quy mô dự án
2	Dự án xây dựng trung tâm nghiên cứu phát triển	-
3	Dự án ERP	Các phân hệ cơ bản
4	Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất phân viên nén phức hợp	40.000 tấn/năm
II	Dự án đang xem xét nghiên cứu đầu tư	
1	Dự án nâng cấp mở rộng phân xưởng NH ₃	90.000 tấn/năm
2	Dự án Nhà máy sản xuất MA và các dẫn xuất	97.000 tấn/năm
3	Dự án Nhà máy Sản xuất phân bón phức hợp từ Urê nóng chảy	300.000 tấn/năm
4	Dự án Nhà máy Sản xuất phân hỗn hợp hữu cơ, vi sinh	100.000 tấn/năm
5	Dự án nâng cấp và mở rộng cảng xuất nhập hàng hóa	2 triệu tấn/năm

13.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Công ty chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong thời gian tới.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của PVCFC, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí dự kiến trong năm 2015, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của PVCFC là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng. PVCFC là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sản xuất phân bón, đã nhận được sự hỗ trợ từ Tập đoàn về ổn định giá khí từ năm 2015 đến 2018 nhằm đảm bảo tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu là 12%/năm. Mặt khác, PVCFC đã sản xuất phân Urê hạt đục có những tính năng vượt trội và ưu việt so với các loại phân bón khác, mang lại năng suất và hiệu quả cao cho bà con nông dân.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí lưu ý rằng những nhận xét của chúng tôi chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. PSI khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý PSI bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

15. Kế hoạch sản xuất của PVCFC sau cổ phần hóa

Xác định sứ mệnh là nhà sản xuất, kinh doanh phân bón trên nền tảng công nghiệp hóa dầu phục vụ nông nghiệp, cung cấp các giải pháp về dinh dưỡng cho cây trồng, góp phần thay đổi nền nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, thân thiện môi trường,

bảo đảm lợi ích hài hòa cho chủ sở hữu, khách hàng, người lao động và doanh nghiệp.

Để nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh trên thị trường và không ngừng cải thiện vị thế trong ngành SXKD phân bón, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh khắc nghiệt như hiện nay do nguồn cung ứng vượt nhu cầu, PVCFC định hướng tiếp tục phát triển thêm nhiều dòng sản phẩm mới trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại của Nhà máy Đạm Cà Mau và cơ sở hạ tầng đã được đầu tư tại cụm Khí Điện Đạm Cà Mau. Sử dụng Đạm Cà Mau làm nguyên liệu đầu vào sản xuất sản phẩm mới có giá trị gia tăng, cung cấp nhiều dinh dưỡng cho cây trồng như: Urê, phân bón hỗn hợp, phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón phức hợp.... PVCFC xác định đây là một trong những định hướng quan trọng nhằm giảm áp lực tiêu thụ trên thị trường, đồng thời hoàn thành tốt các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tới, bảo đảm không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp phù hợp với lợi ích của chủ sở hữu, cổ đông, đối tác hiện lược và, đáp ứng tối đa nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Nguồn vốn tài trợ cho các dự án này được huy động từ nguồn vốn tái đầu tư của doanh nghiệp, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế, vốn vay từ các tổ chức tín dụng và các hình thức huy động khác (phát hành trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu). Các dự án này chỉ được triển khai sau khi tính toán kỹ hiệu quả kinh tế - xã hội, công ty sẽ xây dựng các phương án huy động, sử dụng vốn hiệu quả nhất để trình lên Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

a. Chỉ tiêu sản lượng và tiêu thụ giai đoạn từ năm 2015 đến 2018

Bảng chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn từ năm 2015 – 2018

ĐVT: tấn

STT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
I Sản xuất					
1	Các loại phân bón (Phân Urê, Urê+TE, phân hữu cơ vi sinh, phân bón phức hợp,...)	782.000	816.360	819.560	934.610
II Tiêu thụ					
1	Các loại phân bón (Phân Urê, Urê+TE, phân hữu cơ vi sinh, phân bón phức hợp,...)	782.000	816.360	819.560	934.610

2	Phân bón tự doanh	15.000	40.000	40.000	40.000
---	-------------------	--------	--------	--------	--------

b. Chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận giai đoạn 2015 – 2018

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2015	2016	2017	2018
1	Doanh thu	5.582	6.250	6.433	7.442
2	Giá vốn hàng bán	4.084	4.720	4.945	5.909
3	Lãi gộp	1.498	1.530	1.488	1.533
4	Chi phí bán hàng	298	374	398	495
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	120	121	123	125
6	Chi phí tài chính	444	359	282	220
7	Lợi nhuận trước thuế doanh	636	677	685	693
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	34	34	35
9	Lợi nhuận sau thuế	636	643	651	658

16. Các kế hoạch triển khai thực hiện

a. Về quản trị chiến lược, kế hoạch:

Triển khai chiến lược, kế hoạch và quán triệt các bộ phận bám sát thực hiện các chỉ tiêu theo từng giai đoạn; Thường xuyên kiểm soát, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược, kế hoạch chủ động trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;

Định kỳ tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện, rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra.

b. Về tổ chức quản lý:

Hoàn thiện xây dựng mô hình và cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn và chuyên môn hoá cao, bố trí nguồn lực phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty;

Đầu tư công nghệ thông tin và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến hiện nay như: Mô hình quản lý nguồn lực doanh nghiệp ERP; quản lý sản xuất tinh gọn (LEAN) để đảm bảo thông tin thông suốt nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý;

Thuê tư vấn để thực hiện cổ phần hoá công ty và triển khai mô hình quản trị công ty cổ phần tiên tiến, tiếp cận chuẩn mực Quốc tế.

c. Về sản xuất:

Duy trì và đảm bảo các hoạt động sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả; Thực hiện các giải pháp để tối ưu hoá các quá trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí và giảm giá thành sản phẩm.

Cải tạo nâng công suất và chất lượng sản phẩm nhằm thoả mãn nhu cầu người tiêu dùng.

Xây dựng chiến lược bảo dưỡng phù hợp với đặc thù của nhà máy và triển khai thành kế hoạch cụ thể;

Nâng cao vai trò phân tích nghiên cứu quản lý hệ thống thiết bị, phối hợp chặt chẽ các bộ phận, chuyên môn hoá các bộ phận nhằm khắc phục các rủi ro không lường trước được trong quá trình vận hành;

Ứng dụng các phần mềm CMMS, RBI để kiểm soát ngăn ngừa các sự cố, hư hỏng, sai sót của hệ thống công nghệ, hạn chế tối đa thời gian dừng máy bị động.

Tăng cường quan hệ với các đối tác để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm phát triển bảo dưỡng theo hướng chuyên môn sâu, đồng thời nâng cao trình độ đội ngũ bảo dưỡng của nhà máy;

Xây dựng hệ thống quản lý tồn kho đảm bảo hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sản xuất;

Liên kết các đơn vị trong và ngoài ngành xây dựng danh mục các vật tư phụ tùng thay thế và thiết bị dùng chung để giảm chi phí tồn kho đến mức tối ưu.

d. Về Chính sách kinh doanh:

Hoàn thiện chính sách bán hàng, chính sách đại lý linh hoạt, hiệu quả, đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên, gắn kết các đại lý với mục đích lâu dài của Công ty.

Duy trì và phát triển hệ thống phân phối bền vững thông qua chính sách giá bán hợp lý, mục tiêu thị phần rõ ràng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phân phối. Tiếp tục liên kết, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường Đạm Cà Mau ra các nước trong khu vực.

Thực hiện mục tiêu đa dạng hoá sản phẩm, tìm hiểu và khảo sát nhu cầu thị trường, phối hợp bộ phận nghiên cứu phát triển đưa ra thị trường các sản phẩm mới có tính khác biệt để tạo lợi thế trên thị trường.

Phát triển mô hình cung ứng giải pháp dinh dưỡng cho các hộ sản xuất cây trồng lớn.

e. Về tiếp thị quảng bá sản phẩm:

Xây dựng và triển khai chiến lược marketing nhằm tăng cường vị thế thương hiệu của Đạm Cà Mau ở trong nước và nước ngoài.

Chính sách tiếp thị truyền thông phải truyền tải được thông tin theo từng giai đoạn: xâm nhập, phát triển, nâng cao tại các khu vực và phù hợp với tâm lý của người dân theo từng giai đoạn.

Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm sang các nước trong khu vực như Campuchia, Thái Lan,...

f. Về đầu tư mở rộng và nghiên cứu phát triển, khoa học công nghệ:

Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, hình thành trung tâm thực nghiệm để nghiên cứu và ứng dụng các sản phẩm phân bón phục vụ nông nghiệp.

Triển khai đầu tư các dây chuyền sản xuất sản phẩm mới có hiệu quả đáp ứng tiến độ thâm nhập thị trường và từng giai đoạn thích hợp.

Xây dựng chiến lược nghiên cứu phát triển lâu dài, tập trung nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, phát triển thương hiệu sản phẩm, nghiên cứu nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Xây dựng và đào tạo lực lượng chuyên gia đảm bảo đảm đương nhiệm vụ nghiên cứu đầu tư và phát triển các sản phẩm mới;

Xây dựng tổ chuyên gia tư vấn, định hướng và liên kết chặt chẽ với các đơn vị nghiên cứu, hợp tác với Viện, Trung tâm, chuyên gia và các đối tác để thực hiện đa dạng hoá sản phẩm dựa trên lợi thế công nghệ của nhà máy Đạm Cà Mau và các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương. Thông qua các chuyên gia, các đơn vị nghiên cứu làm cầu nối tiếp cận với các thông tin và giao lưu học hỏi với các đơn vị nghiên cứu trên thế giới.

Phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật trong vận hành nhà máy đảm bảo vận hành, bảo dưỡng an toàn, ổn định, tiết kiệm năng lượng và nâng cao công suất nhà máy.

Tập trung nghiên cứu nâng cao hiệu quả Nhà máy Đạm Cà Mau, cập nhật và xây dựng dự liệu thiết bị phục vụ cho vận hành và bảo dưỡng

Thường xuyên theo dõi, cập nhật các định mức tiêu hao, đề xuất các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để có được định mức tối ưu nhằm đảm bảo hạ giá thành.

Lựa chọn công nghệ hiện đại, đồng bộ để đầu tư cho các dự án.

Hợp tác, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước nghiên cứu các sản phẩm hoá chất dầu khí từ sản phẩm của Nhà máy xử lý khí (GPP).

g. Về Tài chính

Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát tốt dòng tiền làm tăng vòng quay vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu

Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống kiểm soát rủi ro tài chính, áp dụng các công cụ đánh giá và phòng ngừa rủi ro tài chính của Công ty.

Tìm kiếm, huy động nguồn vốn rẻ, hợp tác với các đối tác trong đầu tư phát triển nhằm san sẻ nguồn vốn.

Hoàn thiện báo cáo kế toán quản trị, thường xuyên phân tích hoạt động tài chính để tham mưu cho lãnh đạo nắm bắt kịp thời và đưa ra những chiến lược tài chính phù hợp trước những biến động.

Tìm hiểu và nghiên cứu cơ hội góp vốn, mua lại vốn góp của các công ty có hiệu quả cao hoặc hỗ trợ phát triển lâu dài cho các công ty thuộc ngành nghề chính của Công ty PVCFC.

h. Về phát triển nguồn nhân lực:

Duy trì và phát triển nguồn lực đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ cho bên ngoài;

Xây dựng chế độ chính sách thu hút và giữ nhân lực chất lượng cao.

Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, phát huy năng lực của mỗi cá nhân;

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống mô tả chức danh công việc.

Hoàn thiện quy chế trả lương, thưởng tương xứng với đóng góp của người lao động;

Xây dựng các chương trình đào tạo chuẩn theo từng lĩnh vực, đào tạo chuyên gia.

Tăng cường hợp tác với các đơn vị đào tạo, liên doanh với các nước ngoài trong công tác đào tạo – phát triển nguồn nhân lực.

i. Về bảo vệ môi trường:

Duy trì hệ thống quản lý an toàn, môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 đảm bảo môi trường tại nhà máy và khu vực xung quanh luôn đạt các tiêu chuẩn quy định của pháp

luật.

Xây dựng và kiện toàn bộ phận chuyên môn về an toàn, môi trường đáp ứng yêu cầu của pháp luật cũng như các tiêu chuẩn của thế giới trong ngành sản xuất phân bón và hoá chất

Thực hiện đánh giá tác động môi trường trong các đề tài nghiên cứu đảm bảo thiết bị, hệ thống sản xuất tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn Việt Nam và yêu cầu nhà nước, pháp luật.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của PVCFC

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Loại chứng khoán niêm yết là Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá chứng khoán niêm yết là 10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/một cổ phiếu)

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Số chứng khoán niêm yết là 529.400.000 cổ phiếu (Năm trăm hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn cổ phiếu).

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo mục d khoản 1 điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần đại diện	Tổng Cộng	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Đức Thành	Chủ tịch HĐQT	8.100	135.323.057	135.331.157	25,563%
Ông Bùi Minh Tiến	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	52.000	105.880.000	105.932.000	20,010%
Ông Trần Mỹ	Ủy viên HĐQT	2.900	79.410.000	79.412.900	15,001%
Ông Trần Chí Nguyễn	Ủy viên HĐQT	1.600	79.410.000	79.411.600	15,000%
Bà Trần Thị Bình	Ủy viên HĐQT	100.000	-	100.000	0,019%
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	53.000	-	53.000	0,010%
Ông Văn Tiến Thanh	Phó Tổng Giám đốc	30.000	-	30.000	0,006%
Ông Hoàng Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	31.600	-	31.600	0,006%
Ông Lê Ngọc Minh Trí	Kế toán trưởng	1.600	-	1.600	0,0003%
Bà Phan Thị Cẩm Hương	Trưởng BKS	200	-	200	0,00004%
Ông Nguyễn Thanh Hào	Thành viên BKS	-	-	-	-

Cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần đại diện	Tổng Cộng	Tỷ lệ
Ông Lâm Văn Chí	Thành viên BKS	1.400	-	1.400	0,00026%
TỔNG CỘNG		282.400	400.023.057		

Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012:

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của thành viên HĐQT, BKS, BTGD, KTT tính trên số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 282.400 cổ phiếu. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết và hạn chế 50% trong 06 tháng tiếp theo theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012.
- Số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước là PVN do các cá nhân trên đại diện nắm giữ (400.023.057 cổ phiếu) không bị hạn chế chuyển nhượng.

5. Phương pháp tính giá

5.1. Phương pháp tính giá

Việc định giá giá trị cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau dựa trên hai phương pháp là P/E (Price/Earnings – Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần) và phương pháp P/B (Price/Book value – Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách), có tham khảo giá đầu giá thành công khi chào bán lần đầu ra công chúng để cổ phần hóa. Phương pháp P/E và P/B được so sánh với các Công ty cùng ngành, cùng quy mô vốn điều lệ đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các công ty đã niêm yết cùng ngành với PVCFC được so sánh gồm:

Mã CK	Tên Công ty	Sàn giao dịch
DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	HSX
LAS	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX
NFC	CTCP Phân lân Ninh Bình	HNX
TSC	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	HSX

Thông tin về thông số EPS và BV được tổng hợp từ Báo cáo tài chính năm gần nhất của các công ty được công bố trên website của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh và giá cổ phiếu tham chiếu chi tiết như sau:

Mã CK	Tên	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá (25/2/15) (đồng)	EPS (31/12/14) (đồng)	BV (31/12/14) (đồng)	P/E (lần)	P/B (lần)
LAS	Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	778.320,0	32.500	5.638	19.222	5,76	1,69
NFC	Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình	104.875,5	29.900	3.477	20.052	8,60	1,49
TSC	Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	158.129,2	43.500	5.369	17.506	8,10	2,48
DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	3.800.000	31.500	2.888	23.129	10,91	1,36
Trung bình ngành						7,49	1,89

Nguồn: PSI tổng hợp số liệu từ HNX và HSX

5.1.1. Tham khảo giá theo giá đầu giá thành công khi chào bán lần đầu ra công chúng để cổ phần hóa

Giá đầu thành công thấp nhất khi Công ty chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng là 12.100 đồng/cổ phần.

5.1.2. Tính giá theo phương pháp P/E

Phương pháp này tính giá cổ phần dựa trên thu nhập trên mỗi cổ phiếu của PSE và mức bình quân của hệ số giá thị trường trên thu nhập mỗi cổ phiếu (hệ số P/E) của các Công ty cùng ngành cùng, quy mô vốn điều lệ đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = EPS * P/E_{bq}$$

Trong đó;

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/E_{bq}: được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty trong ngành phân bón và hóa chất có nhiều sự tương đồng nhất với PVCFC đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ tiêu	Giá trị
Chỉ số P/E của doanh nghiệp	7,49x
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	820.886.988.004 đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	529.400.000 cổ phiếu
Lợi nhuận trên mỗi cổ phần	1.551 đồng
Giá cổ phiếu DCM	11.612 đồng

Như vậy, giá cổ phiếu theo phương pháp P/E là 11.612 đồng/cổ phiếu.

5.1.3. Tính giá theo phương pháp P/B

Phương pháp này tính giá cổ phiếu dựa trên giá trị sổ sách của PSE và mức bình quân của hệ số giá thị trường trên giá trị sổ sách (hệ số P/B) của các Công ty cùng ngành, cùng quy mô vốn điều lệ đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty tính bằng công thức:

$$P = BV * P/B_{bq}$$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BV: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

P/B_{bq} được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty trong ngành phân bón và thương mại có nhiều sự tương đồng nhất với PVCFC đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ tiêu	Giá trị
Chỉ số P/B bình quân	1,89x
Vốn chủ sở hữu (15/01/2015)	5.294.000.000.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành	529.400.000 cổ phiếu
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV)	10.000 đồng/CP
Giá cổ phiếu DCM	18.889 đồng

Như vậy, giá cổ phiếu theo phương pháp P/B là 18.889 đồng/cổ phiếu.

5.1.4. Tổng hợp giá theo các phương pháp

Tổng hợp	Giá	Tỷ trọng	Giá/Cổ phần
P/B	18.889	50%	9.445
P/E	11.612	50%	5.806
Giá trung bình			15.251

Theo các phương pháp tính trên thì mức giá mức giá bình quân của DCM là 15.251 đồng/Cổ phiếu.

Tuy nhiên do DCM là công ty đại chúng chưa niêm yết nên tính thanh khoản cổ phiếu của Công ty thấp hơn so với các đơn vị nêu trên, để tính mức giá chào sàn của DCM, Hội đồng quản trị quyết định sử dụng tỷ lệ chiết khấu 5% so với mức giá bình quân. Như vậy, mức giá bình quân DCM sau khi đã chiết khấu xuống 5% là 14.488 đồng/ cổ phiếu.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, đồng thời có tham khảo giá đầu thành công thấp nhất của DCM là 12.100 đồng/cổ phiếu, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau do Hội đồng quản trị quyết định là 14.500 đồng/cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của PVCFC không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Khi cổ phiếu của PVCFC được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán

- Thuế GTGT: Theo Luật số 71/2014/QH13 của Quốc Hội ban hành ngày 26/11/2014 về việc Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về Thuế, có hiệu lực từ ngày

1/1/2015, mặt hàng kinh doanh chính của công ty là phân bón thuộc nhóm không chịu thuế.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo giấy chứng nhận đầu tư số 61101000153 ngày 4/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Công ty được hưởng các ưu đãi đối với dự án Nhà máy Đạm Cà Mau như sau:
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp: được miễn thuế TNDN cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính đến hết năm 2015, được áp dụng mức thuế TNDN là 5% từ năm 2016 đến 2024.
 - + Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”, mức thuế công ty đang áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh khác cho năm 2014 – 2015 là 22%, kể từ ngày 01/01/2016 thì mức thuế được áp dụng là 20%.
- Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.

7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, thì:

- **Thu nhập tính thuế:** Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Giá bán chứng khoán được xác định như sau:
 - + Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố.
 - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp nêu trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá

- theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán được chuyển nhượng tại thời điểm bán.
- + Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá chuyển nhượng hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo qui định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.
 - Giá mua chứng khoán được xác định như sau:
 - + Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
 - + Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
 - + Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.
 - Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định bao gồm:
 - + Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
 - + Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
 - + Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;
 - + Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
 - + Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.
 - **Thuế suất và cách tính thuế:**

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:

 - Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp

quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:

- + Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký ngay từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2009.
- + Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm trước.

- Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
- Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ. xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.
- Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.
- Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế X Thuế suất 20%

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng X Thuế suất 0,1%

➤ **Thời điểm xác định thu nhập tính thuế**

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

- Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 04.3934 3888
- Fax: 04.3934 3999
- Website: www.psi.vn
- Email: psi@psi.vn

- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: 24-26, Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

- Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 04.3852 4123 Fax: 04.3852 4143
- Website: www.deloitte.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. **Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

3. **Phụ lục III: Các báo cáo tài chính**

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012 của Công ty TNHH Phân bón Dầu khí Cà Mau (công ty mẹ và hợp nhất).
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 của Công ty TNHH Phân bón Dầu khí Cà Mau (công ty mẹ và hợp nhất).
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 của Công ty TNHH Phân bón Dầu khí Cà Mau (công ty mẹ và hợp nhất).
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 14/01/2015 của Công ty TNHH Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm 15/01/2015 của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

4. **Phụ lục IV: Các văn bản khác**

- Nghị quyết ĐHCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu Công ty.
- Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ niêm yết cổ phiếu.
- Quy chế quản trị Công ty.
- Quy trình công bố thông tin.
- Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.
- Cam kết nắm giữ chứng khoán của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.
- Công văn chấp thuận đại chúng của UBCKNN.
- Giấy chứng nhận lưu ký chứng khoán.
- Các tài liệu khác có liên quan.



Cà Mau, ngày 18 tháng 03 năm 2015

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
TỔNG GIÁM ĐỐC CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

BÙI MINH TIÊN



NGUYỄN ĐỨC THÀNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

PHAN THỊ CẨM HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ NGỌC MINH TRÍ

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



MAI TRUNG DŨNG

